

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Ngọc Bích**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Ngọc Bích  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Ngọc Bích      Mã SV: 1013401061

Lớp: QTL401K                      Ngành: Kế toán - Kiểm toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu  
tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty  
cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	1
Chương I:Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp ...	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu .....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất ..	4
1.1.4. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu.....	6
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	6
1.1.4.2. Đánh giá nguyên vật liệu .....	7
1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	14
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	14
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song .....	14
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	17
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.....	19
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	22
1.2.2.1.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	22
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	25
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....	28
1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu .....	30
Chương II:Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng .....	34

<b>2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.....</b>	<b>34</b>
<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng .....</b>	<b>34</b>
<b>2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được trong một số năm gần đây .....</b>	<b>35</b>
<b>2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh .....</b>	<b>37</b>
<b>2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....</b>	<b>39</b>
<b>2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty CP Vicem Bao Bì Hải Phòng .....</b>	<b>41</b>
<b>2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....</b>	<b>41</b>
<b>2.2.2. Chế độ kế toán áp dụng .....</b>	<b>43</b>
<b>2.3. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng .....</b>	<b>49</b>
<b>2.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....</b>	<b>49</b>
<b>2.3.1.1. Thủ tục nhập xuất.....</b>	<b>49</b>
<b>2.3.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....</b>	<b>63</b>
<b>2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng.....</b>	<b>71</b>
<b>2.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....</b>	<b>71</b>
<b>2.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....</b>	<b>71</b>
<b>2.2.3.3. Quy trình hạch toán .....</b>	<b>72</b>
<b>2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư .....</b>	<b>76</b>
<b>Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.....</b>	<b>79</b>
<b>3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu .....</b>	<b>79</b>
<b>3.1.1. Ưu điểm .....</b>	<b>79</b>
<b>3.1.2. Hạn chế.....</b>	<b>81</b>
<b>3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng.....</b>	<b>83</b>
<b>3.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán và phần mềm kế toán ...</b>	<b>84</b>
<b>3.2.1.1. Bộ máy kế toán .....</b>	<b>84</b>

<b>3.2.1.2. Phần mềm kế toán.....</b>	<b>85</b>
<b>3.2.2. Hoàn thiện lập bảng phân bổ vật liệu .....</b>	<b>86</b>
<b>3.2.3. Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu .....</b>	<b>86</b>
<b>3.2.4. Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.....</b>	<b>88</b>
<b>3.2.5. Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....</b>	<b>90</b>
<b>3.2.6. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư .....</b>	<b>92</b>
<b>3.2.7. Hệ thống kho bãi .....</b>	<b>94</b>
<b>3.2.8. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ .....</b>	<b>95</b>
<b>Kết luận .....</b>	<b>96</b>
<b>Danh mục tài liệu tham khảo .....</b>	<b>97</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, khoản mục chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí của doanh nghiệp. Mọi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của doanh nghiệp. Do vậy, hạ thấp và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là giảm một phần đáng kể chi phí sản xuất. Mặt khác, trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất nguyên vật liệu gồm nhiều chủng loại, được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau thường xuyên biến động về số lượng cũng như giá cả. Do đó, cần phải có biện pháp theo dõi quản lý từ khâu thu mua vật liệu đến khâu xuất sử dụng cho sản xuất về cả chỉ tiêu số lượng cũng như giá trị, đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra bình thường. Thông qua công tác hạch toán vật liệu sẽ làm cho doanh nghiệp sử dụng vật liệu một cách tốt nhất, tránh lãng phí từ đó giảm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, bên cạnh vấn đề trọng tâm là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu cũng là vấn đề đáng được các doanh nghiệp quan tâm hiện nay.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở lý luận đã được học trong nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài:

***“ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng”*** làm khoá luận tốt nghiệp của mình.



Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em gồm 3 chương:

***Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.***

***Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.***

Do thời gian và trình độ có hạn nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các cán bộ nghiệp vụ ở Công ty để luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và các cán bộ nghiệp vụ của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng đã giúp em hoàn thành luận văn này.

# **CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

## **1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**

### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

Nguyên vật liệu là một bộ phận trọng yếu của tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng của lao động đã qua sự tác động của con người. Trong đó vật liệu là những nguyên liệu đã trải qua chế biến. Vật liệu được chia thành vật liệu chính, vật liệu phụ và nguyên liệu gọi tắt là nguyên vật liệu. Việc phân chia nguyên liệu thành vật liệu chính, vật liệu phụ không phải dựa vào đặc tính vật lý, hoá học hoặc khối lượng tiêu hao mà là sự tham gia của chúng vào cấu thành sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, chi phí sản xuất gắn liền với việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu, máy móc và thiết bị sản xuất và trong quá trình đó vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên sản phẩm. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và chuyển giá trị một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong doanh nghiệp sản xuất chi phí về vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn từ 65%- 70% trong tổng giá trị sản phẩm. Do vậy việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời hay không có ảnh hưởng to lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, việc cung cấp nguyên vật liệu còn cần quan tâm đến chất lượng, chất lượng các sản phẩm phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của vật liệu mà chất lượng sản phẩm là một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có uy tín và tồn tại trên thị trường. Trong cơ chế thị trường hiện nay việc cung cấp vật liệu còn cần đảm bảo giá cả hợp lý tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nếu thiếu nguyên vật liệu thì không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất vật chất. Trong quá trình sản xuất sản phẩm, thông

qua công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ từ đó có thể đánh giá những khoản chi phí chưa hợp lý, lãng phí hay tiết kiệm. Bởi vậy cần tập trung quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất sản phẩm trong chừng mực nhất định, giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất còn là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Có thể nói rằng vật liệu giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

### **1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu**

*\* Khái niệm:*

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

*\* Đặc điểm của nguyên vật liệu.*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, nguyên vật liệu mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất.
- Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng.
- Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm sản xuất ra.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.**

Kế toán là công cụ phục vụ việc quản lý kinh tế vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của vật liệu; từ yêu cầu quản lý vật liệu; từ chức năng của kế toán vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất và tồn kho vật liệu. Tính giá thành thực tế vật liệu đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật liệu tư về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại.
- Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán vật liệu, hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về vật liệu (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ) mở chế độ đúng phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.
- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật tư phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý vật tư thừa, thiếu, ứ đọng hoặc mất phẩm chất. Tính toán, xác định chính xác số lượng và giá trị vật tư thực tế đưa vào sử dụng và đã tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Phải theo dõi vật liệu theo từng loại, từng thứ vật liệu cả về số lượng cũng như giá trị.
- Xác định đúng giá trị nguyên vật liệu, phân loại nguyên vật liệu theo yêu cầu tình hình đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp và các nguyên tắc chung do nhà nước qui định.
- Với mỗi doanh nghiệp cụ thể tùy thuộc về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề qui mô mà lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho. Công tác ghi sổ sách, chứng từ sử dụng các tài khoản ... phải phù hợp.
- Phản ánh chính xác, trung thực sự biến động nguyên vật liệu trong kỳ hạch toán và vật liệu tồn kho và cung cấp số liệu chính xác để tổng hợp chi phí sản xuất, xác định giá thành sản phẩm.
- Đánh giá, phân tích những thành tích và yếu kém trong khâu mua, xuất sử dụng nguyên vật liệu để rút kinh nghiệm cho những kỳ sau.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên kiểm toán hoàn thành công việc khi có các đợt kiểm toán.

#### **1.1.4. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu**

##### **1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu**

Trong doanh nghiệp, vật liệu bao gồm nhiều loại, nhiều thứ, có vai trò, công dụng tính chất lý, hóa khác nhau và biến động thường xuyên liên tục hàng ngày trong quá trình sản xuất. Để phục vụ công tác quản lý và hạch toán, tất yếu khách quan là phải phân loại vật liệu.

*\* Nếu căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành:*

- Nguyên liệu, vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp, là cơ sở vật chất chủ yếu, hình thành nên thực thể của sản phẩm mới như sắt, thép trong công nghiệp cơ khí, bông trong công nghiệp kéo sợi, gạch, ngói xi măng trong xây dựng cơ bản, hạt giống, phân bón trong nông nghiệp... Bán thành phẩm mua ngoài cũng phản ánh vào nguyên liệu, vật liệu chính.

- Vật liệu phụ: là đối tượng lao động nhưng vật liệu phụ không phải là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới. Vật liệu phụ thường được sử dụng kết hợp với vật liệu chính nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm hay, phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật hoặc quản lý...

- Nhiên liệu: nhiên liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh, nhiên liệu gồm có: xăng, dầu, khí đốt, than củi...

- Phụ tùng thay thế, sửa chữa: phụ tùng thay thế, sửa chữa là những chi tiết, phụ tùng máy móc, thiết bị mà doanh nghiệp mua sắm, dự trữ phục vụ cho việc sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Phế liệu: phế liệu là những thứ bị loại ra trong quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng còn có thể tận dụng được hoặc bán ra được, phế liệu đã mất hết phần lớn giá trị sử dụng ban đầu, như sắt vụn, gỗ vụn, ngói vỡ...

*\*Nếu căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu, nguyên vật liệu được chia thành:*

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự sản xuất.
- Nguyên vật liệu có từ nguồn khác. ( Được cấp, nhận vốn góp, ...)

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

Trên thực tế việc sắp xếp nguyên vật liệu theo từng loại như đã trình bày trên là căn cứ vào công cụ chủ yếu của nguyên liệu, vật liệu ở từng đơn vị cụ thể, vì có thứ nguyên liệu, vật liệu ở đơn vị này là nguyên liệu, vật liệu chính nhưng ở đơn vị khác lại là vật liệu phụ... Để phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý chặt chẽ nguyên liệu, vật liệu cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.1.4.2. Đánh giá nguyên vật liệu**

Đánh giá vật liệu là dùng thước đo bằng tiền để biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định.

Các loại nguyên vật liệu thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp, do đó về nguyên tắc đánh giá vật tư cũng phải tuân thủ nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho. Vật tư trong doanh nghiệp có thể được đánh giá theo trị giá gốc ( hay còn gọi là giá vốn thực tế) và giá hạch toán. Đánh giá vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của vật liệu thực tế, tức là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số vật tư hàng hoá đó.

*\* Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá thực tế.*

##### Giá thực tế vật tư nhập kho:

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị

thuần có thể thực hiện được. Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

- Chi phí mua của nguyên vật liệu bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua nguyên vật liệu. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được loại trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến nguyên vật liệu bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá gốc nguyên vật liệu bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến nguyên vật liệu.

Chi phí không được tính vào giá nguyên vật liệu bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản nguyên vật liệu trừ các chi phí bảo quản nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng. Trên thực tế, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau như: mua ngoài, nhập kho tự sản xuất, nhập do thuê ngoài gia công chế biến, nhập do nhận vốn góp liên doanh, nhập do được cấp do đó mà giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của vật liệu được xác định như sau:

- Đối với vật tư mua ngoài thì giá thực tế nhập kho:

Giá thực tế nhập kho = Giá mua ghi trên hoá đơn + Chi phí mua thực tế (Chi phí vận chuyển bốc xếp) - Các khoản chiết khấu giảm giá (nếu có)

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế chưa bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Các khoản thuế không được khấu trừ hoặc hoàn lại

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

- Đối với vật tư do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & = & \text{Giá thực tế xuất} & + & \text{Chi phí gia công} \\ \text{nhập kho} & & \text{kho chế biến} & & \text{chế biến} \end{array}$$

- Đối với vật tư thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & = & \text{Giá thực tế vật tư} & + & \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ} \\ \text{nhập kho} & & \text{xuất thuê chế biến} & & \text{đến nơi thuê chế biến} \\ & & & + & \text{Chi phí thuê} \\ & & & & \text{gia công chế biến} \end{array}$$

- Đối với vật tư nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần thì trị giá vốn thực tế là giá được các bên liên doanh, góp vốn đánh giá và chấp thuận.

- Đối với phế liệu, phế phẩm thu hồi được đánh giá theo giá ước tính

Giá thực tế vật tư xuất kho:

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, vào những khoảng thời gian khác nhau nên giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Vì vậy khi xuất kho phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các yêu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau. Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị nguyên vật liệu được áp dụng theo các phương pháp khác nhau, tuy nhiên khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong một niên độ kế toán. Một số phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho chủ yếu:



**+ Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh:**

Phương pháp này thường được áp dụng đối với các loại nguyên vật liệu có giá trị cao, các loại vật tư đặc chủng. Nguyên vật liệu được xác định theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Vì vậy, khi xuất nguyên vật liệu ở lô nào thì tính giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô nguyên vật liệu nhập kho với các loại nguyên vật liệu có giá trị cao, phải xây dựng hệ thống kho tàng cho phép bảo quản riêng từng lô nguyên vật liệu nhập kho.

*Ưu điểm:* công tác tính giá được thực hiện kịp thời, thông qua đó kho kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản riêng từng loại nguyên vật liệu.

*Nhược điểm:* chi phí lớn cho việc xây dựng kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu.

**+ Phương pháp tính theo giá đơn vị bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính dựa trên cơ sở số lượng thực xuất trong kỳ và đơn giá bình quân.

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng thực tế xuất kho} \times \text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá trị vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại nguyên vật liệu.
- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.
- Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động. Theo cách tính này, hàng ngày cung

cấp thông tin kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán.

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Cách tính theo đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục được nhược điểm của cả 2 phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả; tuy nhiên tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

**+Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định là lô nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất trước. Vì vậy, lượng nguyên vật liệu xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính theo giá thực tế của lần nhập đó.

*Ưu điểm:* kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời

*Nhược điểm:* Hạch toán chi tiết theo từng loại, từng kho mất thời gian công sức, chi phí kinh doanh không phản ánh kịp thời theo giá thị trường nguyên vật liệu.

Phương pháp này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, chủng loại nguyên vật liệu ít, số lượng nhập, xuất nguyên vật liệu ít, giá cả thị trường ổn định...

**+Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho giả định là lô nguyên vật liệu nào nhập vào kho sau sẽ được dùng trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Vì vậy, việc tính giá xuất của nguyên vật liệu được làm ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước.

*Ưu điểm:* Tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, chi phí kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh kịp thời theo giá thị trường của ngân hàng.

*Nhược điểm:* Phải hạch toán theo chi tiết từng nguyên vật liệu, tốn công.

\* *Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.*

Giá hạch toán là loại giá được sử dụng tạm thời để giúp cho việc hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng ngày của từng thứ vật liệu được kịp thời và thuận lợi hơn. Giá hạch toán có thể lấy theo giá kế hoạch hoặc giá thực tế cuối kỳ trước. Đặc điểm của giá hạch toán là không có giá trị về mặt thanh toán, quyết toán và ổn định suốt kỳ kế toán.

Nếu doanh nghiệp sử dụng đồng thời 2 giá: giá thực tế và giá hạch toán thì việc hạch toán vật liệu được tổ chức như sau:

- Kế toán chi tiết ( phiếu nhập, phiếu xuất, sổ chi tiết, bảng kê) phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu theo giá hạch toán.

- Kế toán tổng hợp (TK tổng hợp) phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho của các loại vật liệu theo giá thực tế.

Giá thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ được xác định lúc cuối kỳ trên cơ sở hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của vật liệu có thể sử dụng trong kỳ và giá hạch toán của vật liệu đã xuất kho trong kỳ.

Giá thực tế NVL = Giá hạch toán NVL x Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế xuất kho trong kỳ      Xuất kho trong kỳ      và giá hạch toán của NVL

Giá hạch toán VL xuất kho = Số lượng VL xuất kho x Đơn giá hạch toán của từng đơn vị

Hệ số chênh lệch giá thực tế và giá hạch toán của VL = 
$$\frac{\text{Giá thực tế VL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế VL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán VL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán VL nhập kho trong kỳ}}$$

Hệ số chênh lệch và giá thực tế xuất kho trong kỳ có thể tính chung cho từng nhóm, từng loại vật liệu khác nhau từ đó làm giảm bớt khối lượng công việc tính toán của kế toán. Đây chính là ưu điểm lớn nhất của phương pháp hệ số ( sử dụng đồng thời 2 loại giá thực tế và hạch toán).

Trong trường hợp cần thiết, kế toán có thể phản ánh tình hình xuất kho vật liệu trong kỳ vào các tài khoản kế toán tổng hợp theo trị giá hạch toán nhưng đến cuối kỳ thì phải điều chỉnh giá hạch toán vật liệu xuất kho trong kỳ thành giá thực tế trước khi tổng hợp chi phí để tính kết quả sản xuất, kinh doanh.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL} = \text{Giá hạch toán VL} \pm \text{Mức điều chỉnh} \\ \text{xuất trong kỳ} \quad \quad \text{xuất kho trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó :

$$\text{Mức điều chỉnh} = \text{Giá hạch toán VL XKho trong kỳ} \times \text{tỷ lệ điều chỉnh của VL}$$

Nếu giá thực tế lớn hơn giá hạch toán thì kế toán sẽ điều chỉnh bằng phương pháp ghi bổ sung. Ngược lại thì điều chỉnh bằng phương pháp ghi số âm.

## **1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất**

### **1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

#### **\* Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu:**

Trong doanh nghiệp sản xuất, việc quản lý vật liệu do nhiều bộ phận tham gia. Song việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu hàng ngày được thực hiện chủ yếu ở bộ phận kho và phòng kế toán doanh nghiệp. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập, xuất vật liệu thủ kho và kế toán vật liệu phải tiến hành hạch toán kịp thời, tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu hàng ngày theo từng loại vật liệu. Sự liên hệ và phối hợp với nhau trong việc ghi chép và thẻ kho, cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán đã hình thành nên phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán. Hiện nay trong các doanh nghiệp sản xuất, việc hạch toán vật liệu giữa kho và phòng kế toán có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có những đặc điểm riêng. Trong việc hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Và như vậy cần thiết phải nắm vững nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp đó.

#### **1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song**

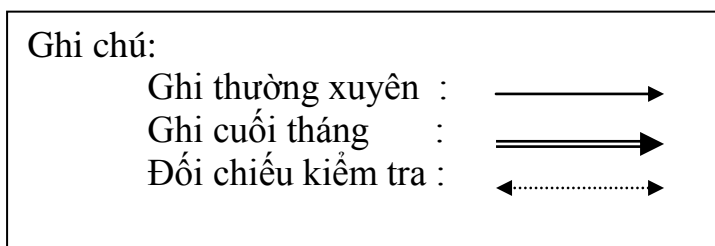
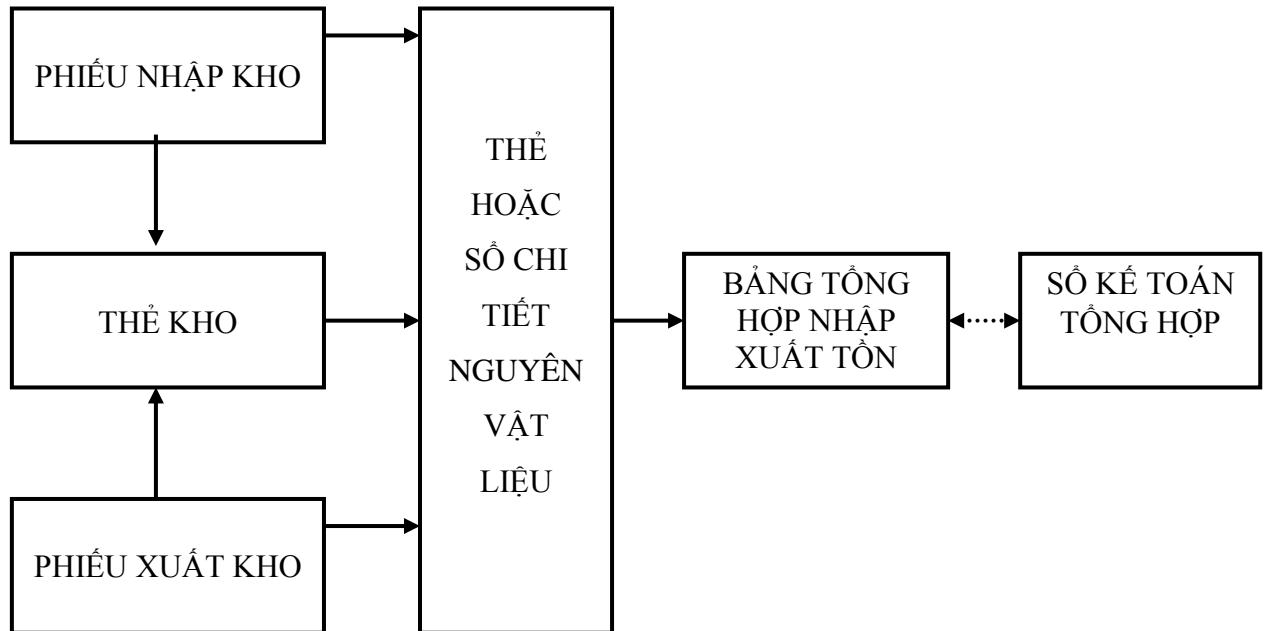
Theo phương pháp thẻ song song, để hạch toán nghiệp vụ nhập, xuất và tồn kho vật liệu thì:

-*Tại kho:* Việc ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo số lượng. Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho

ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình xuất, nhập, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ chi tiết vào bảng. Tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu theo từng nhóm, loại vật liệu. Có thể khái quát, nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



Với tư cách kiểm tra, đối chiếu như trên, phương pháp thẻ song song có các ưu điểm và nhược điểm:

*\*Ưu điểm:* ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số hiện có của từng loại vật liệu theo số liệu và giá trị của chúng.

*\*Nhược điểm:* việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán cần trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và

tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán. Phương pháp thẻ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

**1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:**

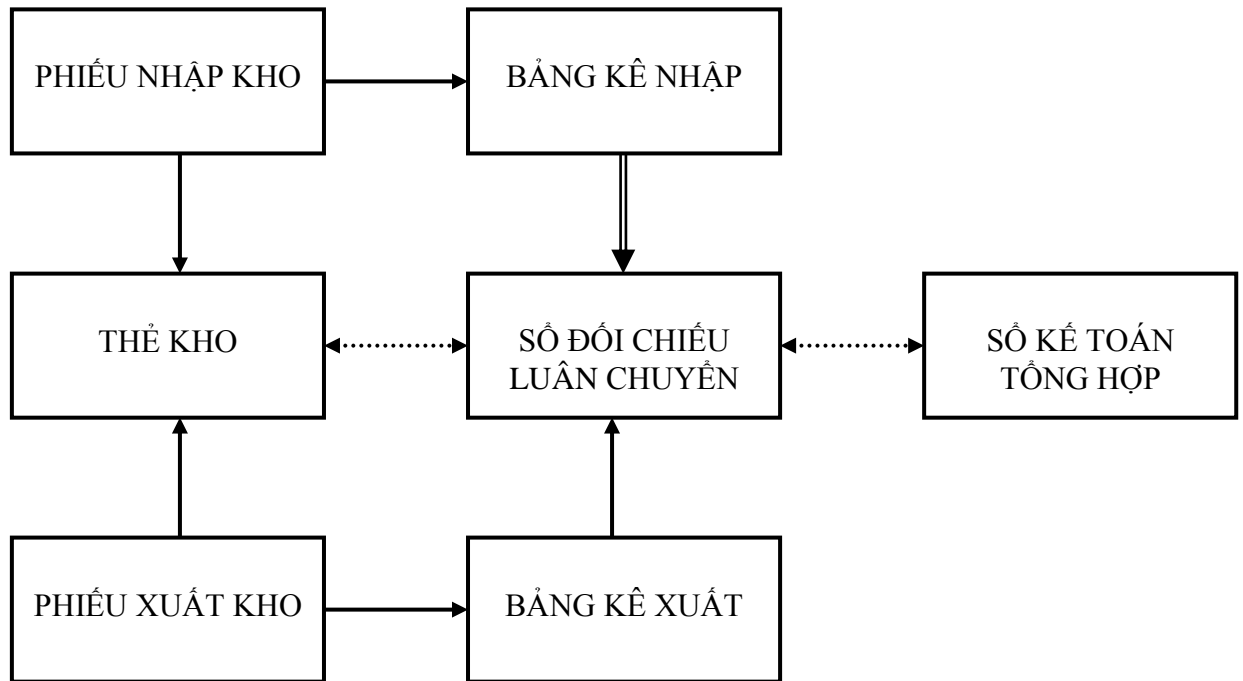
Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được hình thành trên cơ sở cải tiến một bước phương pháp thẻ song song.

-*Tại kho:* Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho dùng cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi và về chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.



**Sơ đồ 1.2. Nội dung và trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ  
đối chiếu luân chuyển**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

*\*Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

*\*Nhận xét:*

-*Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-*Nhược điểm:* Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

Với những doanh nghiệp, ưu nhược điểm nêu trên phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập, xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu, do vậy không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình kế toán nhập, xuất hàng ngày.

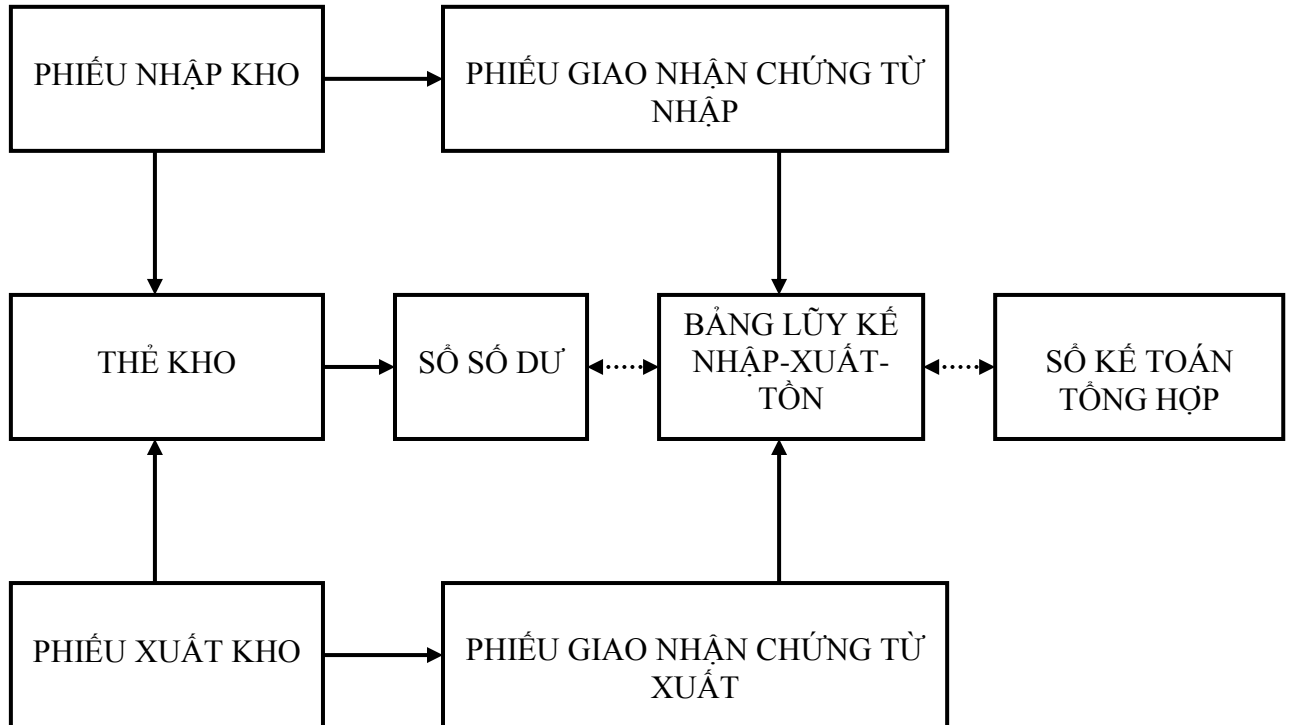
### **1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư**

Nội dung phương pháp sổ số dư hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán như sau:

-*Tại kho*: Thủ kho cũng là thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho, nhưng cuối tháng phải ghi sổ tồn kho đã tách trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột số lượng.

- *Tại phòng kế toán*: Kế toán mở sổ số dư theo từng kho chung cho cả năm để ghi chép tình hình nhập, xuất. Từ các bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho theo từng nhóm, loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng khi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên, kế toán căn cứ vào sổ tồn cuối tháng do thủ kho tính ghi ở sổ số dư và đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập, xuất tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp. Nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

*\*Quy trình hạch toán:*

- *Tại kho:* Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi

xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

- *Tại phòng kế toán:* Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

*\*Điều kiện áp dụng:* Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

*\*Nhận xét:*

-*Ưu điểm:* Tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt được khối lượng công việc ghi sổ kế toán do chỉ tiêu ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị và theo nhóm, loại vật liệu. Công việc kế toán tiến hành đều trong tháng, tạo điều kiện cung cấp kịp thời tài liệu kế toán phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý ở doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán đối với việc nhập, xuất vật liệu hàng ngày

-*Nhược điểm:* Do kế toán chỉ ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị, theo nhóm, loại vật liệu nên qua số liệu kế toán không thể không nhận biết được số hiện có và tình hình tăng giảm vật liệu mà phải xem số liệu trên thẻ kho. Ngoài ra khi đối chiếu, kiểm tra số liệu ở sổ số dư và bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nếu không khớp đúng thì việc kiểm tra để phát hiện sự nhầm lẫn, sai sót trong việc ghi sổ sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp và tốn nhiều công sức. Phương pháp sổ số dư được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ kinh tế (chứng từ nhập, xuất) về nhập, xuất vật liệu diễn ra thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và đã xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu, dùng giá hạch toán để hạch toán hàng

ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý, trình độ cán bộ kế toán của doanh nghiệp tương đối cao.

### **1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**

Vật liệu là một bộ phận của tài sản “Hàng tồn kho” của doanh nghiệp (tài sản lưu động tồn tại dưới hình thái vật chất), theo quy định hiện nay doanh nghiệp chỉ được lựa chọn áp dụng một trong hai phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ trong quá trình hạch toán các loại vật tư, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa... Nội dung, đặc điểm của 2 phương pháp này như sau:

#### ***1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

#### ***\*Tài khoản sử dụng:***

☞ *Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”*: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

*Bên Nợ:*

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

*Bên Có:*

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

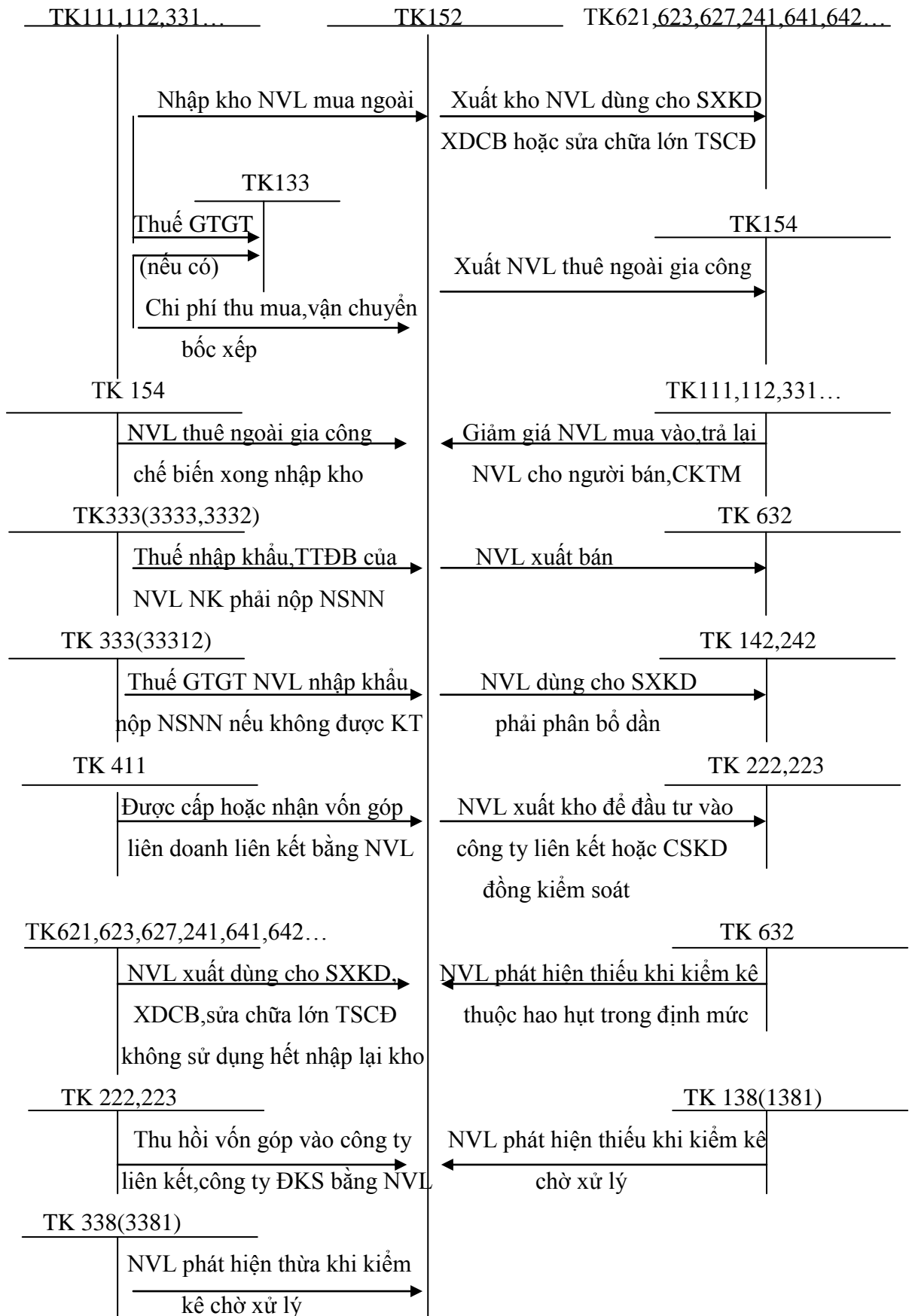
*Số dư bên Nợ:* Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

☞ *TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

**\*Phương pháp hạch toán:** Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



### 1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{tồn kho} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK611 “Mua hàng”.

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

#### **\*Tài khoản sử dụng:**

☞ *Tài khoản 611 “Mua hàng”*: Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

*Bên Nợ:*

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại, ...

*Bên Có:*

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).



- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá. TK 611 không có số dư cuối kỳ.

☞ *Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”*: Dùng để phản ánh thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

*Bên Nợ*: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

*Bên Có*: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

*Số dư bên Nợ*: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

☞ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”*:

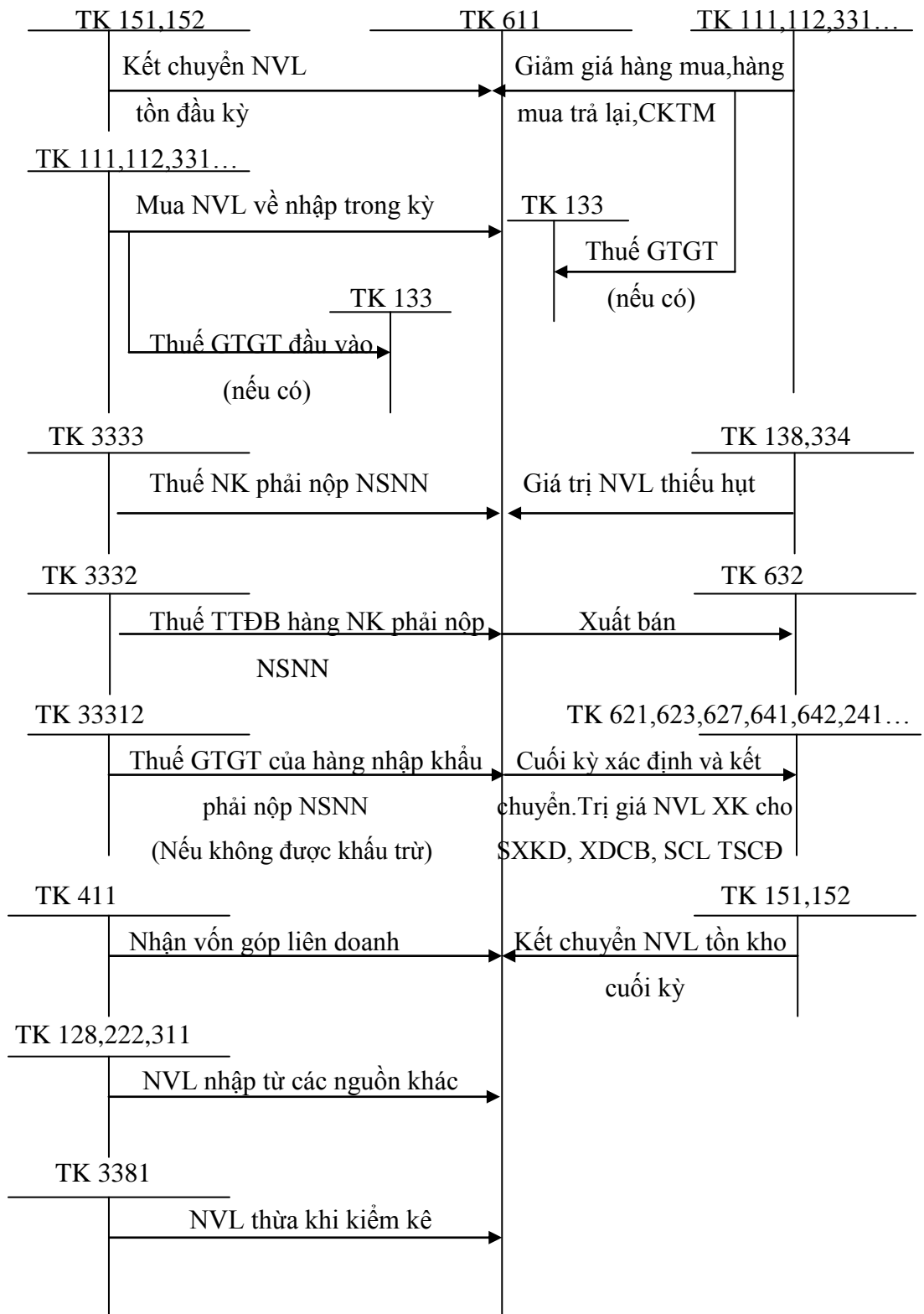
*Bên Nợ*: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ.

*Bên Có*: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

*Số dư bên Nợ*: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường. Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

**\*Phương pháp hạch toán:** Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai định kỳ được mô tả theo sơ đồ:

**Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ.**



### **1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

#### **\* Nội dung và phương pháp hạch toán**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm nay phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp đề phòng những thiệt hại có thể xảy đến trong tương lai gần do hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, hàng bán bị trả lại..., đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập bảng cân đối kế toán cuối năm. Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính.

Đối với nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm thì không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn tổng chi phí sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà tổng chi phí sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cuối năm kế toán tiếp theo phải thực hiện đánh giá mới về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm đó. Trường hợp cuối kỳ kế toán năm nay, nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập thấp hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập để ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm và để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá gốc

(nếu giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cao hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối năm trước thì phải trích thêm cho đủ số cần phải có để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**\* Tài khoản sử dụng:**

☞ TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”:

*Bên nợ:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu số phải lập nhỏ hơn số đã lập của năm trước)

*Bên có:*

- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trích lập thêm (nếu số phải lập lớn hơn số đã lập năm trước)

*Số dư bên có:*

- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho lúc cuối năm

**\* Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh**

1. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

#### **1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu**

Quá trình hạch toán bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc vì kết thúc bằng các báo cáo kế toán qua việc ghi chép, theo dõi, tính toán xử lý số liệu trên các sổ sách kế toán. Sổ sách kế toán là khâu trung gian của toàn bộ công tác kế toán. Sổ của phần kế toán tổng hợp được gọi là sổ kế toán tổng hợp. Các doanh nghiệp sử dụng sổ kế toán tổng hợp vật liệu tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Hệ thống sổ kế toán: Mỗi doanh nghiệp chỉ có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ cái, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ nhật ký ...
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết...

Nhà nước quy định bắt buộc về mẫu sổ, nội dung và phương pháp ghi chép đối với các loại sổ cái, sổ nhật ký ... quy định mang tính hướng dẫn đối với các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Theo quyết định 12/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2000 có các hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

+ Trong hình thức kế toán nhật ký chứng từ, kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu được thực hiện trên nhiều sổ sách kế toán. Nhưng nghiệp vụ kinh tế liên quan đến bên có tài khoản 151 được phản ánh ở nhật ký chứng từ số 6 - ghi có TK 151 hàng đang đi đường. Nhật ký chứng từ số 6 phản ánh hàng mua đang đi đường đầu tháng đã về nhập kho doanh nghiệp trong tháng. Cuối tháng được cộng sổ ghi vào

bảng kê số 3:" Bảng tính giá thành thực tế vật liệu, công cụ, dụng cụ". Những nghiệp vụ kinh tế có định khoản kế toán liên quan bên có, bên nợ TK 331 được phản ánh trước hết vào sổ chi tiết mở cho TK 331 - sổ chi tiết số 6. Cuối tháng ghi chuyển số liệu từ sổ chi tiết TK331 vào nhật ký chứng từ số 5 (Mẫu 05/NKCT). Giá trị của vật liệu xuất kho trước hết được phản ánh vào bảng phân bổ nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ (Bảng phân bổ số 2, Mẫu 02/BPB) giá trị của vật liệu xuất kho được phản ánh theo từng đối tượng sử dụng. Số liệu ở bảng phân bổ số 2 được dùng để ghi vào bảng kê số 4 "Tập hợp chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tập hợp chi phí trả trước, chi phí phải trả". Ngoài ra bảng phân bổ số 2 còn được dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ: Nhật ký chứng từ số 7 (Mẫu số 07/NKCT) "Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp" và sau đó giá trị vật liệu xuất kho còn được phản ánh vào các bảng kê, sổ chi tiết, nhật ký chứng từ có ghi số phát sinh bên có của TK 152.

+ Trong hình thức kế toán nhật ký sổ cái, từ chứng từ gốc kế toán lập bảng tổng hợp nhập xuất vật liệu. Căn cứ vào sổ tổng cộng của bảng tổng hợp để ghi vào nhật ký sổ cái một dòng. Chứng từ gốc và bảng tổng hợp sau khi ghi nhật ký sổ cái sẽ được ghi sổ hoặc thẻ kế toán chi tiêu liên quan. Nhật ký sổ cái là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian và hệ thống hoá theo nội dung kinh tế. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng hoặc cuối quý phải tổng hợp số liệu và khoá các sổ và thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết. Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để đối chiếu số liệu với sổ nhật ký - sổ cái cuối tháng.

+ Trong hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ (đối với chứng từ gốc ít phát sinh) hoặc căn cứ vào chứng từ gốc cùng loại đã được kiểm tra phân loại để lập bảng tổng hợp chứng từ gốc để lập chứng từ ghi sổ (kèm theo chứng từ gốc). Sau khi lập xong trình kế toán trưởng ký và ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã ghi vào sổ đăng ký CTGS để ghi vào sổ cái và sổ hoặc thẻ chi tiết liên quan.

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin được nhập trong kỳ.

Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

+ Hình thức kế toán Nhật Ký Chung

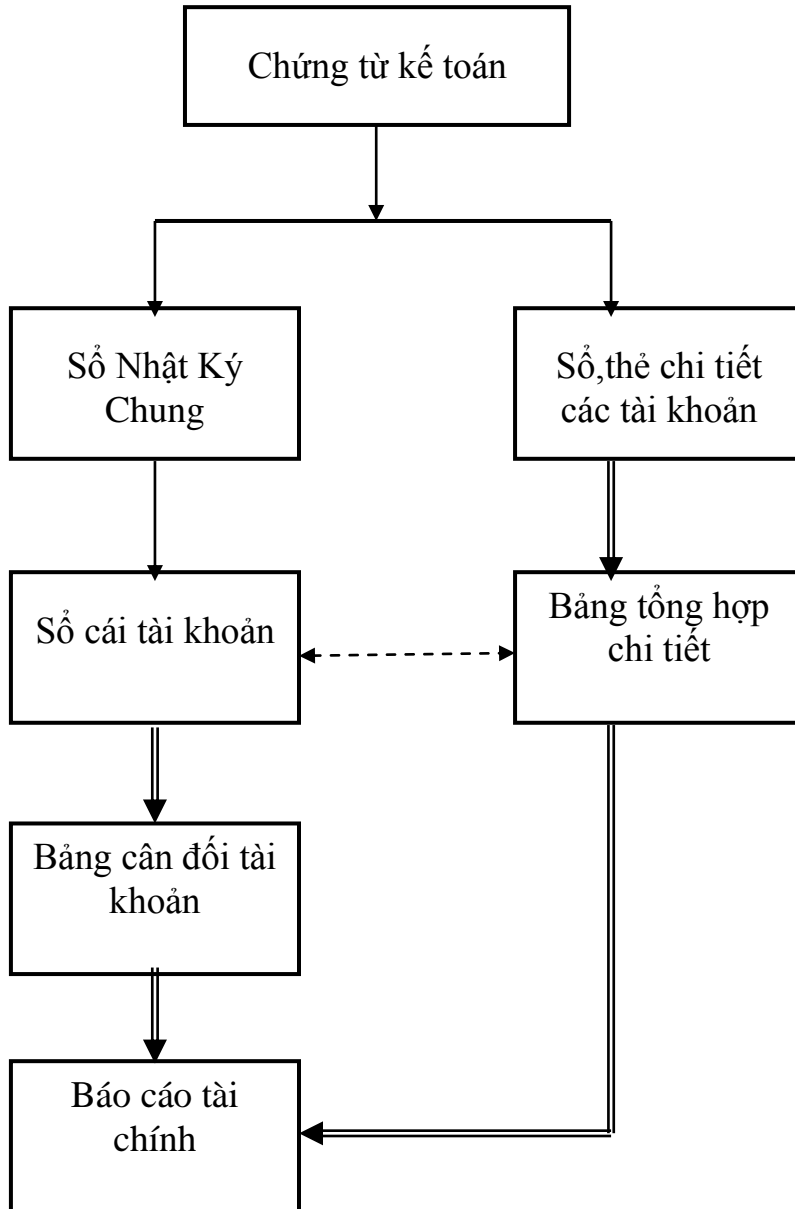
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký Chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật Ký Chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật Ký Chung;
- Sổ Cái;
- Các sổ; thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày :  $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm :  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$



## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

### **2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.**

Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng được xây dựng trên mặt bằng với diện tích lớn bám theo hai trục đường chính, vì vậy ban lãnh đạo công ty đã xây dựng phương án cho thuê đất làm văn phòng, kiốt, cho thuê kho chứa hàng và các dịch vụ khác tạo thêm nguồn thu nhập cũng như nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên công ty. Với diện tích tổng thể là 4.5 ha, xong với sự năng động của đội ngũ lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao đến nay Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng gần như không còn chỗ đất trống nào.

Trụ sở chính: Số 3- Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại: (84).31.3821.973

Fax: (84).31.3540.272

Vốn điều lệ hiện tại: 30.000.000.000 VND, trong đó:

Vốn cổ đông Nhà nước: 18.414.500.000 VND ( chiếm 61,38%)

Vốn cổ đông khác: 11.585.500.000 VND ( chiếm 38,62%)

Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng tiền thân là Xí nghiệp bao bì xi măng Hải Phòng ( thuộc công ty xi măng Hải Phòng). Là đơn vị đi đầu trong chương trình chuyển đổi sản xuất của Công ty xi măng Hải Phòng theo chủ trương Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá.

Căn cứ nghị định số 64/2002/NĐCP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần” và các văn bản hướng dẫn thi hành nghị định 64/2002 của các Bộ, Ngành có liên quan, Căn cứ Quyết định số 908/XMVN – HĐQT ngày 10/06/2002 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty xi măng Việt Nam. Sau một thời gian khẩn trương tiến hành các thủ tục, Công ty

cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2004 theo quyết định số 1222/QĐ - BXD của Bộ Xây Dựng.

Công ty được đầu tư dây chuyền hiện đại của CHLB Đức và Cộng hoà Áo, chuyên sản xuất các loại vỏ bao đựng xi măng như bao KPK, PK công suất giai đoạn 1 là 25 triệu vỏ bao/năm.

Sản phẩm vỏ bao đựng xi măng các loại của Công ty sản xuất đã được các Công ty xi măng thành viên của Tổng công ty xi măng Việt Nam và một số Công ty xi măng liên doanh sử dụng đánh giá cao về chất lượng cũng như về giá cả.

Tuy mới bước vào hoạt động theo quy mô mới nhưng Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng đã có uy tín với bạn hàng về phương thức làm ăn của mình. Đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty ngày càng được nâng cao về mức sống và trình độ nghiệp vụ. Cùng với sự đoàn kết gắn bó, sự nhiệt tình năng nổ trong công việc, Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng đang dần ổn định và từng bước phát triển.

### **2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được trong một số năm gần đây.**

Cũng giống như những doanh nghiệp khác, Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng đã có rất nhiều cố gắng khi hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường. Trong những năm gần đây các doanh nghiệp sản xuất vỏ bao luôn cạnh tranh gay gắt với nhau. Cụ thể một số doanh nghiệp sản xuất bao bì đã phải đóng cửa dài ngày bởi càng sản xuất càng lỗ và để giữ được hoà vốn đã là rất khó khăn. Song với tinh thần đoàn kết, sự năng động trong kinh doanh của tập thể lãnh đạo công nhân viên Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng cùng với việc kết hợp nhiều biện pháp đổi mới nên đã có đủ việc làm ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Với khó khăn cả về giá cả vật tư đầu vào, đầu năm 2011 kế hoạch chia cổ tức cho năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và nhất trí 100% với mức lãi suất là 2,8% cho năm. Tuy nhiên công ty cũng dự kiến sẽ nâng mức lãi suất lên 3 lần do lợi nhuận đạt được trong 6 tháng đầu năm khá cao, đảm bảo đúng theo chủ

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì  
Hải Phòng*

trương lớn của Đảng và nhà nước về phương án cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết trung thực tinh nhuệ và lành nghề cộng với mô hình tổ chức quản lý và bố trí lao động đạt tiêu chí gọn nhẹ, hiệu quả và chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng. Dây chuyền công nghệ của công ty đồng bộ phù hợp với chất lượng của sản phẩm trên thị trường. Hệ thống nhà điều hành và các phòng ban giúp việc với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, phục vụ tốt nhất, nhanh nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khách hàng của công ty hầu hết đều là những khách hàng truyền thống.

Sau đây là những chỉ tiêu kinh tế đạt được của công ty trong hai năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2010 (đồng)	Năm 2011 (đồng)	So sánh 2010/2011 (%)
Doanh thu thực hiện	209.863.070.760	217.153.102.046	3,5%
Lợi nhuận sau thuế	3.947.126.900	4.886.714.937	23,8%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.520,50	1.622,40	6,7%

*(Nguồn số liệu: báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty)*

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong hai năm ta thấy rằng: mặc dù kết quả đạt được không cao nhưng nó đã thể hiện được sự cố gắng của công ty trong những năm qua. Cụ thể: Doanh thu thực hiện tăng lên 7.290.031.286 đồng, tương ứng với tỷ lệ 3,5%, lợi nhuận sau thuế tăng lên 939.588.037 đồng tương ứng với tỷ lệ 23,8%, lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng lên 101,9 đồng tương ứng với tỷ lệ 6,7%

Trên đà này, trong tương lai công ty sẽ không ngừng phát triển và nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a. Sản phẩm dịch vụ

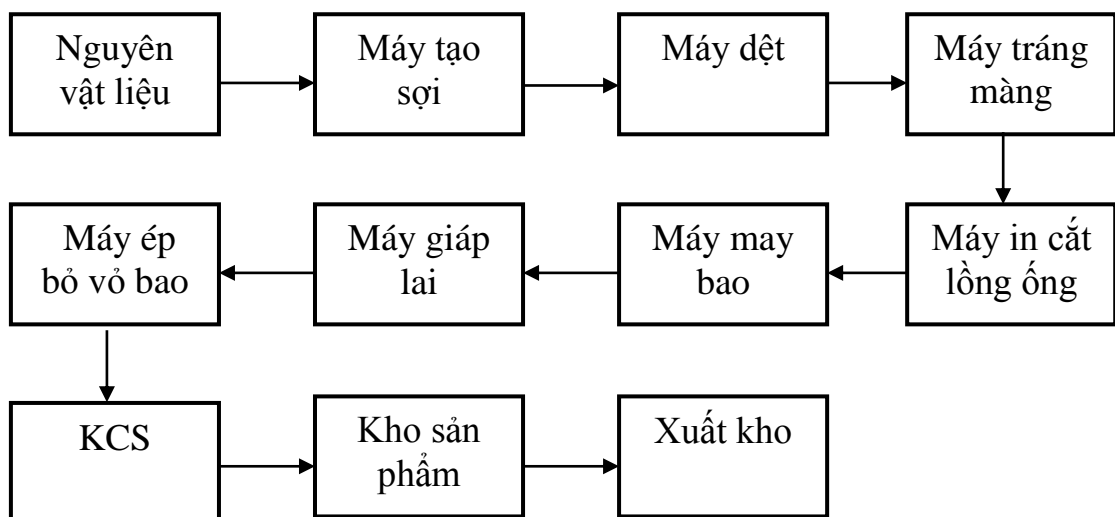
Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm là sự sống còn của công ty. Để đảm bảo điều này ban lãnh đạo công ty đã đưa ra chính sách chất lượng, thể hiện sự cam kết luôn sản xuất và cung cấp các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm dịch vụ của công ty là:

- Sản xuất kinh doanh vỏ bao bì xi măng và các loại vỏ bao bì khác
- Sản xuất nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì
- Cho thuê văn phòng, kho, bến, bãi

Sau đây là quy trình sản xuất vỏ bao của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

**Sơ đồ 2.1 : Quy trình sản xuất vỏ bao**



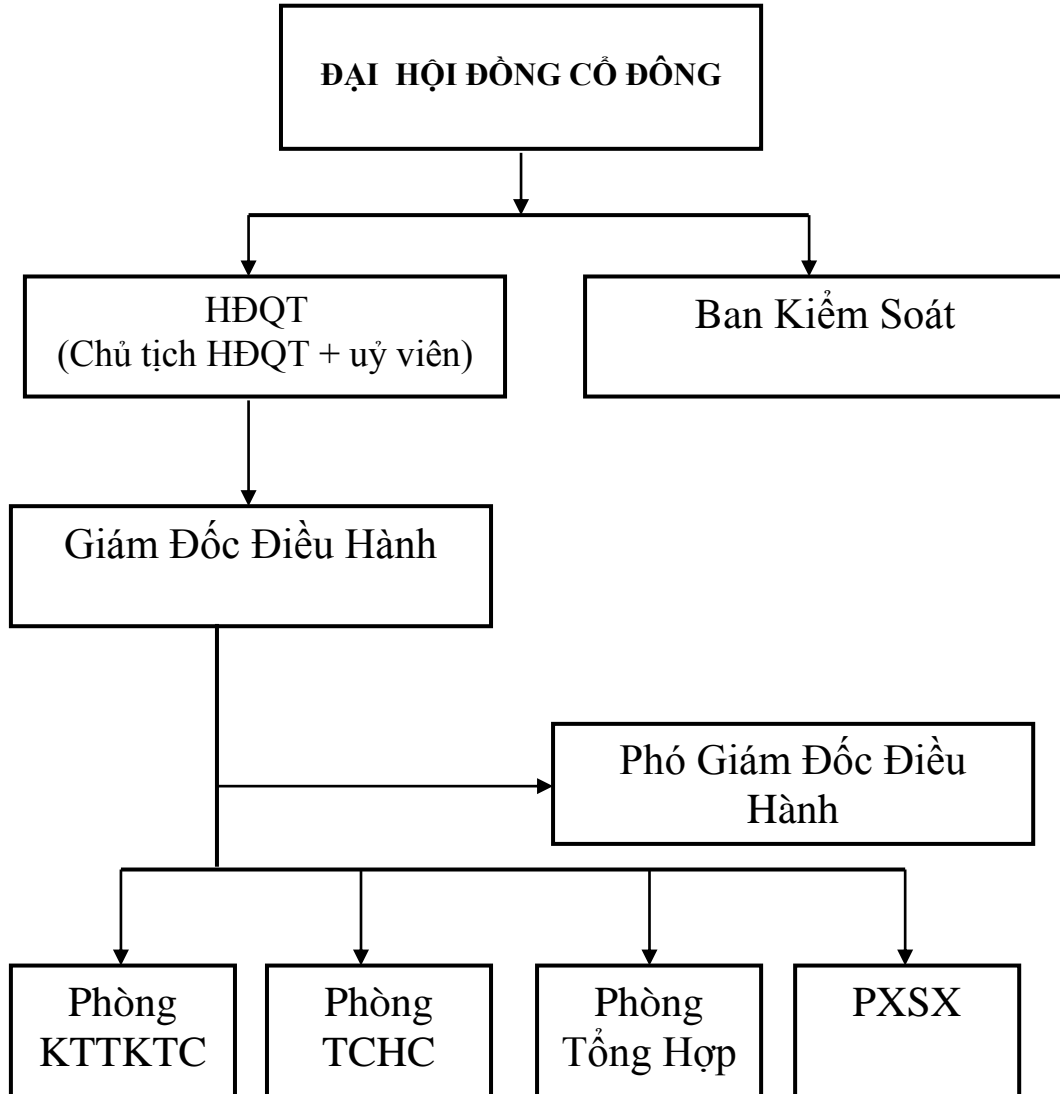
b.Cơ sở vật chất kỹ thuật

Công ty Cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ nên ngoài những trang thiết bị cơ bản mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải có thì công ty còn có một số trang thiết bị đặc thù khác như:

- |                |                 |
|----------------|-----------------|
| -Máy giáp lai  | -Máy dệt        |
| -Máy ép        | -Máy tráng màng |
| -Máy may bao   | -Máy sợi        |
| -Máy in cắt... |                 |

#### 2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

**Sơ đồ 2.2:** Bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng



**\* Đại Hội Đồng Cổ Đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

**\* Hội Đồng Quản Trị:**

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**\* Ban Kiểm Soát:**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty.

**\* Giám Đốc Điều Hành:**

Là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**\* Phó Giám Đốc:**

Là người giúp việc cho giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

**\* Phòng KTTKTC (phòng tài vụ) :**

Có nhiệm vụ lập các kế hoạch tài chính, lập báo cáo biểu quyết từng quý, từng năm theo quy định, kiểm tra hướng dẫn các đơn vị trong công ty về công tác hạch toán kế toán, tổ chức công tác hạch toán kế toán, đóng góp ý kiến xây dựng trong công ty.

**\* Phòng TCHC:**

Có nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng lao động, điều phối lao động trong công ty; lập kế hoạch quỹ tiền lương của công ty....

**\* Phòng Tổng Hợp:**

Xây dựng kế hoạch trong tháng, quý, năm và theo dõi hoạt động của các bộ phận, theo dõi chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cuối năm tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành và xác lập kế hoạch mới cho kỳ sau.

Giữa các phòng ban này có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng hỗ trợ nhau...

**\* Công ty có 2 phân xưởng sản xuất**

- Xưởng sản xuất ( trực tiếp sản xuất)
- Xưởng cơ điện: Bao gồm bộ phận kỹ thuật, bộ phận KCS, bộ phận vật tư , bộ phận sửa chữa...

**2.2.Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng**

**2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán**

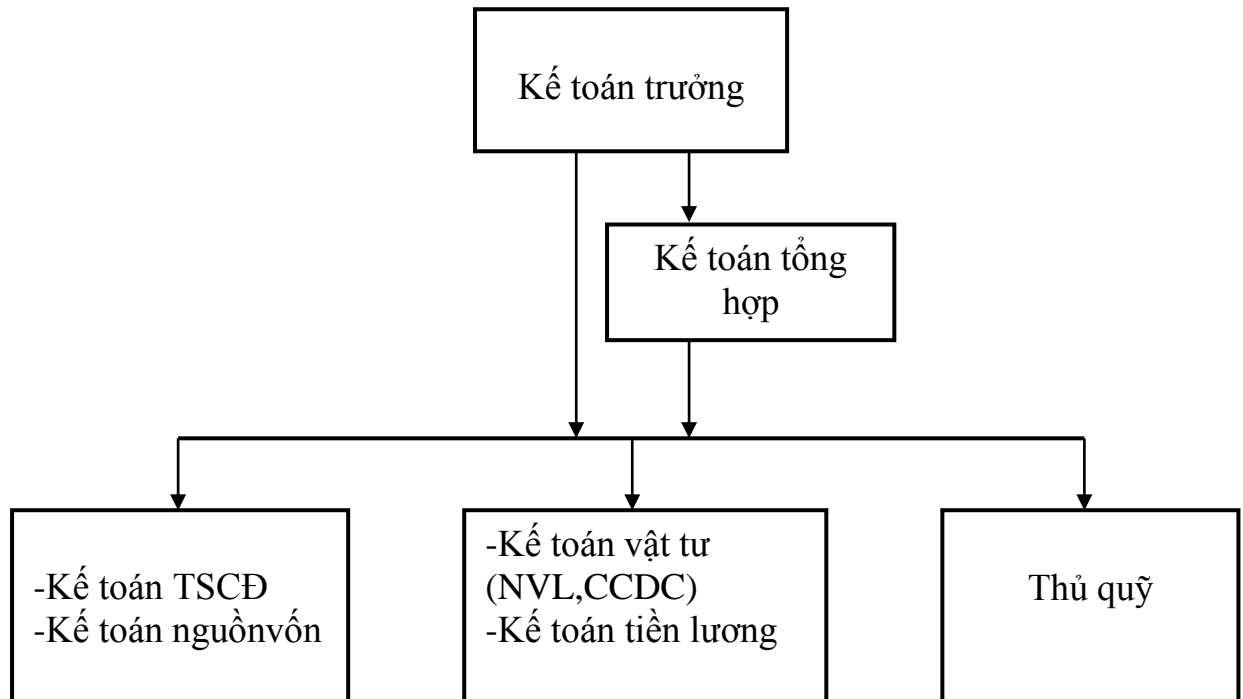
Việc tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ hạch toán kế toán trong một doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhiệm.Do vậy,cần thiết phải tổ chức hợp lý bộ máy kế toán cho doanh nghiệp trên cơ sở định hình được khối lượng công tác kế toán cũng như chất lượng cần phải đạt về hệ thống thông tin kế toán.vì vậy công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng đã xây dựng một bộ máy kế toán đơn giản khoa học và hiệu quả.

Đó là việc tập hợp đồng bộ các cán bộ nhân viên kế toán để đảm bảo thực hiện khối lượng công tác kế toán phần hành với đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động của công ty.Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy.Guồng máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả là do sự phân công,tạo lập mối liên hệ chặt chẽ ấy.

Khối lượng công tác kế toán được phân chia theo phần hành kế toán,thực hiện thông qua yếu tố con người được tổ chức thành một bộ máy.Trong bộ máy kế toán của công ty mỗi kế toán viên phần hành và kế toán tổng hợp đều có chức năng nhiệm vụ quyền hạn riêng về khối lượng công tác kế toán được giao.Các phần hành đều có trách nhiệm liên hệ với kế toán tổng hợp để hoàn thành ghi sổ tổng hợp hoặc lập báo cáo định kỳ cung ngoài báo cáo phần hành.



**\*Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng**



**- Kế toán trưởng:**

➤ Nhiệm vụ và trách nhiệm của kế toán trưởng:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị
- Giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán
- Lập báo cáo tài chính

➤ Kế toán trưởng có quyền:

- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán
- Yêu cầu các bộ phận có liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc
- Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị.

**- Kế toán tổng hợp:**

Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì; tổ chức tập hợp, phân bổ, kết chuyển chi phí sản xuất của toàn công ty và tính giá thành sản phẩm hàng tháng, hàng quý.

**- Kế toán TSCĐ và nguồn vốn:**

+ Theo dõi chi tiết việc quản lý sử dụng TSCĐ của đơn vị, phản ánh tăng giảm, tính khấu hao TSCĐ, phân bổ các tài khoản nguồn vốn, các quỹ.

+ Kế toán NVL, CCDC và tiền lương và các khoản trích theo lương: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các NVL, CCDC nhập vào và xuất ra.

**- Thủ quỹ:**

- Là người phụ trách việc thu chi và quản lý quỹ tại công ty.

- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc thu, chi tiền trong két quỹ theo chế độ hiện hành, đảm bảo tính cân đối giữa tiền tồn trong két với số dư trên sổ sách có liên quan.

- Thực hiện thu, chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ, kiểm tra các chứng từ hợp lệ để ghi sổ quỹ hàng ngày và thường xuyên đối chiếu số dư kế toán tiền mặt.

- Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu giữa số tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ sách kế toán. Nếu phát hiện ra sai sót phải báo ngay cho lãnh đạo giải quyết.

**2.2.2. Chế độ kế toán áp dụng.**

- Công ty vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam. (VND)

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, và tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định được tính theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp: đường thẳng
- Phương pháp áp dụng thuế: Phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Trong các năm nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển sang VND thực tế tại ngày phát sinh theo tỷ giá thông báo của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc; giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp tính giá bình quân liên hoàn; hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định của Nhà nước tính trên thu nhập chịu thuế.
- Hệ thống chứng từ được sử dụng trong công ty

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế Tài chính phát sinh hoàn thành. Hệ thống chứng từ của công ty được áp dụng đúng theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính ban hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bao gồm:

- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá
- + Hoá đơn GTGT

Ngoài ra các doanh nghiệp còn sử dụng các chứng từ liên quan khác căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

- Thông thường trong nghiệp vụ thu mua và nhập kho nguyên vật liệu thì phải dựa vào hoá đơn giá trị gia tăng (hoặc hoá đơn bán hàng, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho) của bên bán và phiếu nhập kho của đơn vị.

- Hoá đơn giá trị gia tăng do bên bán lập ghi rõ số lượng hàng, từng loại hàng hoá, đơn giá và số tiền mà doanh nghiệp phải trả. Trường hợp không có hoá đơn thì bộ phận mua hàng phải lập phiếu mua hàng có đầy đủ chữ ký của những người liên quan làm căn cứ cho nghiệp vụ mua hàng và thanh toán tiền hàng.
- Phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập trên cơ sở hoá đơn của người bán hay phiếu mua hàng. Thủ kho thực hiện nhập kho và ghi số thực nhập vào phiếu nhập kho.

Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, tồn kho NVL kế toán phải kiểm tra và phản ánh tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ NVL ở từng kho vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết cần thiết cả về mặt số lượng và giá trị. Sau đó tổng hợp và tính toán giá trị NVL xuất kho theo từng đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng để lập định khoản và phản ánh vào các tài khoản có liên quan.

-Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng trong công ty

Tài khoản kế toán dùng để phân loại, hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế, Tài chính theo nội dung kinh tế. Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC.

-Hệ thống sổ sách kế toán Công ty sử dụng bao gồm:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp pháp, sổ kế toán NVL phục vụ cho việc thanh toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến NVL Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật Ký Chung” bao gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

-Hệ thống báo cáo bao gồm:

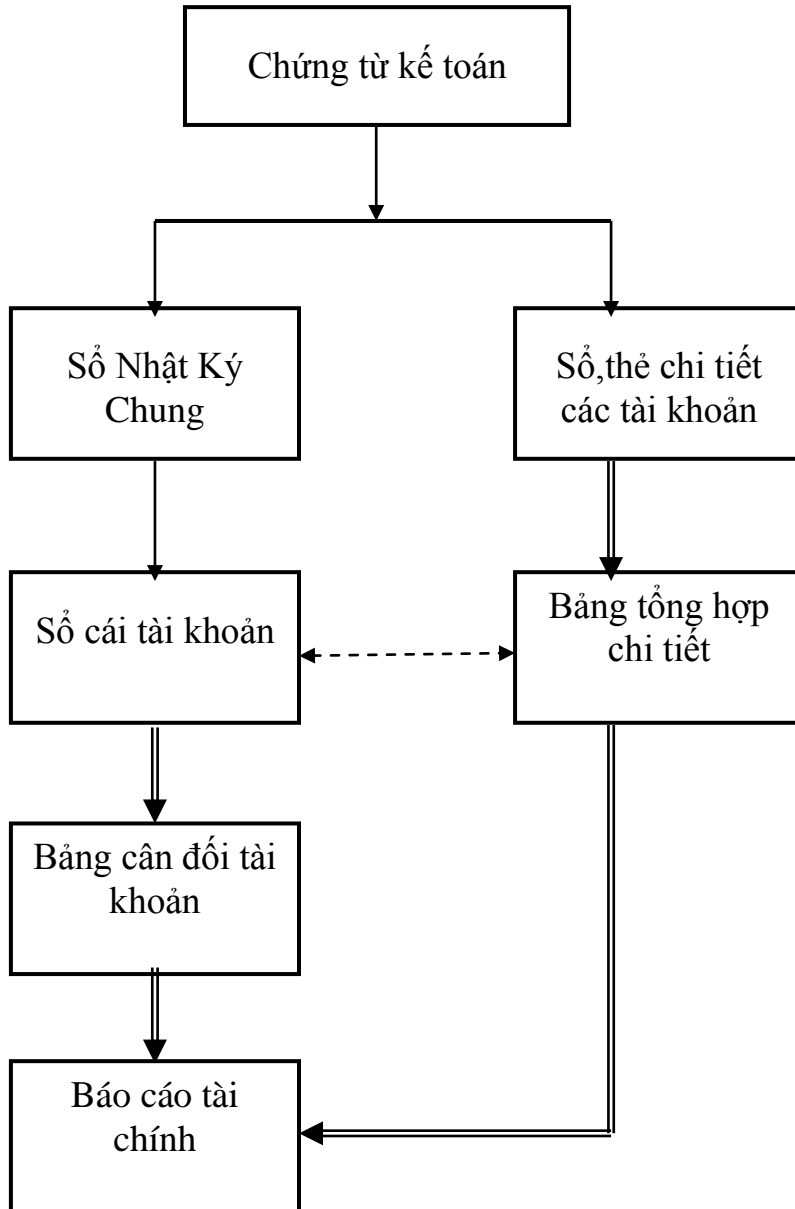
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế.

-Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty :

Để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và thuận tiện cho công tác quản lý Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để hạch toán. Hình thức kế toán này kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian với hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

**\*Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày :  $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm :  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản.
- Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái của các tài khoản liên quan.
- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Sau đó kế toán phải phân tích các báo cáo kế toán, phân tích các chỉ tiêu kinh tế để giúp ban lãnh đạo quản lý doanh nghiệp.

### **2.3. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.**

#### **2.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

##### **2.3.1.1. Thủ tục nhập xuất**

###### *\*Trình tự nhập kho nguyên vật liệu*

a. Mua hàng :

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực tế sử dụng các bộ phận và phân xưởng sẽ lập được nhu cầu sử dụng hàng hoá và dịch vụ và vật tư, phụ tùng cho năm kế hoạch bao gồm : số lượng và yêu cầu về chất lượng, ký mã hiệu, thời hạn cần có, hãng sản xuất, thời gian và phương pháp đánh giá chất lượng số lượng nguyên vật liệu.

- Phòng vật tư : lập kế hoạch mua hàng năm trình Tổng Giám đốc duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, dữ liệu mua, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các báo cáo tồn kho và đánh giá chất lượng lưu kho, các báo cáo đánh giá phản hồi chất lượng của nơi sử dụng, diễn biến của thị trường cung cấp giá cả.

- Căn cứ vào kế hoạch mua hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng Kỹ thuật vật tư lập kế hoạch mua theo quý, tháng trình Tổng giám đốc trước 7 ngày và thực hiện mua hàng trước 2 ngày của quý, tháng kế hoạch.

- Tiếp nhận hàng :

+ Thông báo thời gian giao hàng : Nhân viên mua hàng thông báo tiếp nhận hàng để các bộ phận phối hợp. Nếu cần đề nghị về phương tiện vận tải xếp dỡ phải thông báo bằng văn bản trình Giám đốc Kỹ thuật vật tư hoặc trưởng phòng Vật tư ký để gửi tới các Bộ phận cùng phối hợp tiếp nhận hàng hoá.

+ Viết đề nghị nghiệm thu khi hàng về để hoàn tất thủ tục nhập kho. Phòng vật tư căn cứ vào biên bản nghiệm thu làm thủ tục nhập kho. Nhân viên mua hàng nhận và đảm nhận đã kiểm tra nội dung chứng từ và tính hợp pháp và đúng đắn chuyên cho nhân viên kế hoạch vật tư. Nhân viên kế hoạch vật tư tập hợp chứng từ, kiểm tra lại tính hợp lệ và hợp pháp đề nghị thanh toán trình trưởng phòng Vật tư rồi chuyển sang bộ phận kế toán.



b) Nhập kho, bảo quản, và đánh giá chất lượng :

- Nhập kho vật tư :

*Thủ kho* : Căn cứ vào hoá đơn, kết quả giám định hoặc nghiệm thu tiến hành nhập kho hàng hoá phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng, đơn hàng hoặc kết luận trong các biên bản nghiệm thu của xưởng sản xuất, cập nhật vào thẻ kho. Nhân viên kế toán vật tư : Căn cứ bộ chứng từ trên viết phiếu nhập kho và nhập vào báo cáo chi tiết nhập xuất tồn nguyên vật liệu.

- Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp Công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của Công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.

- Phiếu nhập kho.

Trình tự nhập kho: Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Trong trường hợp nguyên vật liệu nhập kho kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư và cùng với bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Kế toán sử dụng để vào sổ

Liên 2: Giao cho người giao hàng.

Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.

**Ví Du 1:** Ngày 10 tháng 06 năm 2011 Công ty mua mực in của công ty Cổ phần Hoàng Gia(CT164). Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 029985 (Biểu 2.1) và số lượng thực tế kế toán tiến hành viết phiếu nhập số 12/06 (Biểu 2.2). Phiếu nhập in ra 3 liên chuyển cho các bên liên quan.

**Ví dụ 2:** Ngày 11 tháng 06 năm 2011 Công ty mua hạt nhựa tạo sợi PP H030SG của công ty Cổ phần XNK Thành Nam (CT159).Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 073952(biểu 2.3) và số lượng thực tế kế toán tiến hành viết phiếu nhập17/06 (biểu 2.4).Phiếu nhập in ra 3 liên chuyển cho các bên liên quan.

**Biểu 2.1.Hóa đơn GTGT số 029985**

	<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao khách hàng Ngày 10 tháng 06 năm 2011	Mẫu số: 01 GTKP3/001 AB/11P <b>029985</b>			
Đơn vị bán hàng: .....	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIA</b> KM 8 ĐƯỜNG 5 CŨ – QUÁN TOAN – HỒNG BÀNG - HP <b>MST: 0208546284</b>				
Địa chỉ: .....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: ..... MS:	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>				
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty CP Vicem Bao Bì Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng					
Số tài khoản : 10201 0000 211024					
Hình thức thanh toán: chưa TT MS:	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>				
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực in	Kg	1.000	45.900	45.900.000
					Cộng tiền hàng: 45.900.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 4.590.000
					Tổng cộng tiền thanh toán: 50.490.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Biểu 2.2. Phiếu nhập kho số 12/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số : V1206

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của bộ trưởng BTC

## PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 06 năm 2011

**Số:12/06**

Người giao hàng : Công ty cổ phần Hoàng Gia

Đơn vị: Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

Địa chỉ : Kho vật tư

Nội dung : Nhập vật tư HD029985

stt	Mã kho	Tên vật tư	Tk nợ	Tk có	Đvt	Số lượng	Giá	Thành tiền
1	KHOI	Mực in	1521	331	kg	1.000	45.900	45.900.000
							<b>Cộng</b>	<b>45.900.000</b>

Số tiền bằng chữ : Bốn lăm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo :01

Nhập ngày 10 tháng 06 năm 2011

NGƯỜI GIAO HÀNG

(Đã ký)

PHỤ TRÁCH NHẬP HÀNG

(Đã ký)

NGƯỜI NHẬN HÀNG

(Đã ký)

THỦ KHO

(Đã ký)

*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng*

**Biểu 2.3.Hóa đơn GTGT số 073952**

	<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao khách hàng Ngày 11 tháng 06 năm 2011	Mẫu số: 01 GTKP3/001 AA/11P <b>073952</b>			
Đơn vị bán hàng: .....	<b>CÔNG TY CP XNK THÀNH NAM</b> An Hồng-An Dương-Hải Phòng <b>MST: 0203781936</b>				
Địa chỉ: .....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: .....	MS:	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty CP Vicem Bao Bì Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng					
Số tài khoản: 10201 0000 211024					
Hình thức thanh toán: Chưa TT MS:	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hạt nhựa tạo sợi PP	Kg	2.500	32.720	81.800.000
Cộng tiền hàng:					81.800.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 8.180.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					89.980.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

**Biểu 2.4. Phiếu nhập kho số 17/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số : V1206

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của bộ trưởng BTC

## PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 11 tháng 06 năm 2011

**Số:17/06**

Người giao hàng : công ty cổ phần XNK Thành Nam

Đơn vị: Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

Địa chỉ : Kho vật tư I

Nội dung : Nhập vật tư HD073952

stt	Mã kho	Tên vật tư	Tk nợ	Tk có	Đvt	Số lượng	Giá	Thành tiền
1	KHOI	Hạt nhựa tạo sợi PP	1521	331	kg	2.500	32.720	81.800.000
							<b>Cộng</b>	<b>81.800.000</b>

Số tiền bằng chữ : Tám một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo :01

Nhập ngày 11 tháng 06 năm 2011

NGƯỜI GIAO HÀNG

(Đã ký)

PHỤ TRÁCH NHẬP HÀNG

(Đã ký)

NGƯỜI NHẬN HÀNG

(Đã ký)

THỦ KHO

(Đã ký)

\* **Trình tự xuất kho** : Nguyên vật liệu tại Công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Phòng kế toán vào sổ
- Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.
- Liên 3: Giao cho người nhận vật tư

\* Cách tính giá NVL xuất kho

Do NVL chính trong công ty không nhiều chủng loại và giá cả cũng tương đối ổn định nên kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá NVL xuất kho. NVL xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

**Ví dụ 1:** Ngày 15/06/2011 công ty xuất 350 kg mực in phục vụ sản xuất. Đơn vị sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nên đơn giá mực in được xác định như sau:

Tồn đầu kỳ = 2.130kg , đơn giá 50.127đ/kg

Xuất ngày 4/6 số lượng 800kg và ngày 5/6 số lượng 500kg với đơn giá 50.127đ/kg

-> Còn lại 830kg đơn giá 50.127đ/kg

Nhập trong kỳ:

Ngày 10/6 : nhập kho 1000kg mực in, đơn giá 45.900 đ/kg

Ngày 12/6 : nhập kho 500kg mực in, đơn giá 45.900 đ/kg

**Ngày 15/6 : xuất kho 350kg mực in theo phiếu xuất kho số 45/06**

Giá xuất kho của 350kg mực in được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá} & \quad 50.127 \times 830 \text{ kg} + 45.900 \times 1.000 \text{ kg} + 45.900 \times 500 \text{ kg} \\ \text{bình quân} & \quad = \frac{\quad}{\quad} \\ \text{của mực in} & \quad \quad \quad 830 \text{ kg} + 1.000 \text{ kg} + 500 \text{ kg} \\ & \quad = 47.406 \text{ đ/kg} \end{aligned}$$

Trị giá 350 kg mực in xuất kho = 350 kg x 47.406 = 16.592.100 đ



**Ví dụ 2:** Ngày 16/06/2011. Công ty xuất 3.500kg hạt nhựa tạo sợi PP H030SG phục vụ sản xuất. Đơn vị sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nên đơn giá hạt nhựa tạo sợi PP H030SG được xác định như sau:

Tồn đầu kỳ 3.000 kg , đơn giá 35.983 đ/kg

Ngày 05/06 xuất kho hạt nhựa PP 2.500 kg , đơn giá bình quân = 35.893 đ/kg

->Còn lại 500 kg , đơn giá 35.983 đ/kg

Nhập trong kỳ:

Ngày 11/06 nhập 2.500 kg hạt nhựa tạo sợi PP, đơn giá 32.720 đ/kg

Ngày 14/06 nhập 12.000 kg hạt nhựa tạo sợi PP, đơn giá 32.727 đ/kg

**Ngày 16/06 xuất 3.500 kg hạt nhựa tạo sợi PP theo phiếu xuất kho số 46/06**

Giá xuất kho của 3.500kg hạt nhựa tạo sợi PP được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá BQ} \\ \text{của hạt nhựa} \\ \text{tạo sợi PP} \end{array} = \frac{35.983 \times 500 \text{ kg} + 32.720 \times 2.500 \text{ kg} + 32.727 \times 12.000 \text{ kg}}{500 \text{ kg} + 2.500 \text{ kg} + 12.000 \text{ kg}} = 32.834 \text{ đ/kg}$$

Trị giá 3.500 kg hạt nhựa tạo sợi PP xuất kho:  $3.500 \times 32.834 = 114.919.000 \text{ đ}$

**\*Biểu số 2.5. Lệnh xuất kho số 45/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01- TT

(ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ BTC

ngày 20/03/2006 của BTC)

**LỆNH XUẤT KHO SỐ 45/06**

Kính gửi : Giám đốc công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

Tên tôi là: Phạm Đức Huy – Quản đốc phân xưởng sản xuất

Yêu cầu xuất vật tư như sau:

STT	Vật tư		
	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Mực in	Kg	350
	<b>Cộng</b>	.....	.....

Hải Phòng ngày 15 tháng 06 năm 2011

Người yêu cầu

Giám đốc duyệt

**\*Biểu số 2.6. Phiếu xuất kho số 45/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số : 02 -vt

Ban hành theo quyết định

Số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

Số 45/06

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 06 năm 2011

Người nhận hàng : Tổ in cắt

Đơn vị : PX001-tổ in cắt

Địa chỉ : Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng

Nội dung : Xuất mực in cho phân xưởng sản xuất

stt	Tên vật tur	Tk nợ	Tk có	Đvt	Số lượng		Giá	Thành tiền
					Y/cầu	Thực xuất		
1	Mực in	627	1521	kg	350	350	47.406	16.592.100
	<b>Cộng</b>							<b>16.592.100</b>

Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm chín hai nghìn một trăm đồng.

Xuất ngày 15 tháng 06 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ      KT TRƯỞNG      PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN SD      NGƯỜI NHẬN HÀNG      THỦ KHO

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**\*Biểu số 2.7. Lệnh xuất kho số 46/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Mẫu số 01- TT

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ BTC

ngày 20/03/2006 của BTC)

**LỆNH XUẤT KHO SỐ 46/06**

Kính gửi : Giám đốc công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

Tên tôi là: Phạm Đức Huy – Quản đốc phân xưởng sản xuất

Yêu cầu xuất vật tư như sau:

STT	Vật tư		
	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Hạt nhựa tạo sợi PP H030SG	Kg	3.500
	<b>Cộng</b>	.....	.....

Hải Phòng ngày 16 tháng 06 năm 2011

Người yêu cầu

Giám đốc duyệt

**\*Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho số 46/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số 3 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số : 02 -vt

Ban hành theo quyết định

Số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

**Số 46/06**

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 06 năm 2011

Người nhận hàng : Tổ tạo sợi

Đơn vị : PX001-tổ tạo sợi

Địa chỉ : Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng

Nội dung : Xuất hạt nhựa tạo sợi PP H030SG cho phân xưởng sản xuất

stt	Tên vật tư	Tk nợ	Tk có	Đvt	Số lượng		Giá	Thành tiền
					Y/cầu	Thực xuất		
1	Hạt nhựa tạo sợi PP H030SG	627	1521	kg	3.500	3.500	32.834	114.919.000
	<b>Cộng</b>							<b>114.919.000</b>

Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu chín trăm mười chín nghìn đồng chẵn.

Xuất ngày 16 tháng 06 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT TRƯỞNG

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN SD

NGƯỜI NHẬN HÀNG

THỦ KHO

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

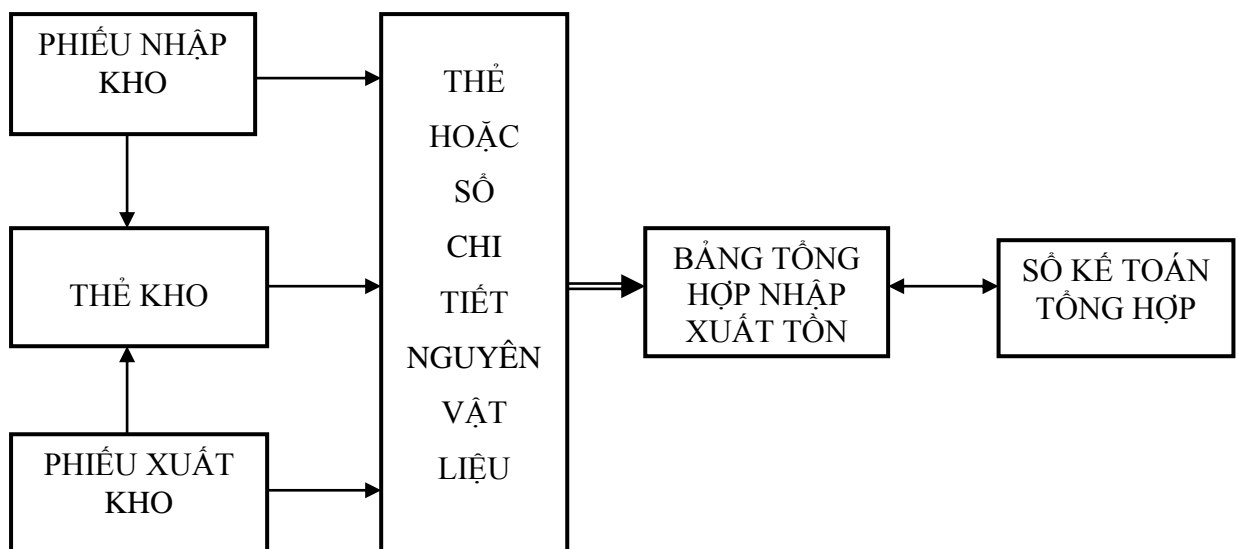
(Đã ký)

(Đã ký)

### 2.3.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán Công ty trong việc quản lý vật tư mà ở đó thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng còn kế toán kiểm soát cả mặt số lượng và giá trị. Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu. Quá trình nhập xuất tại Công ty diễn ra rất thường xuyên liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song. Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:

**\*Sơ đồ 2.5: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng:  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

*\* Tại kho:*

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại nguyên vật liệu sẵn sàng sản xuất khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại vật tư để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại vật liệu vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng vật liệu tồn kho thực tế so với số liệu trên sổ sách. Cuối tháng thủ kho tiến hành tổng hợp số nhập, xuất, tính ra số lượng tồn kho theo từng NVL và lập báo cáo nhập-xuất-tồn kho đối chiếu với các phân xưởng và chuyển toàn bộ thẻ kho về phòng kế toán.

Số lượng tồn cuối kỳ = số lượng tồn đầu kỳ + số lượng nhập kho trong kỳ - số  
lượng xuất kho trong kỳ.

*\*Tại phòng kế toán:*

Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Hàng ngày, hoặc định kỳ khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ. Cuối tháng sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ hoặc thẻ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng loại nguyên vật liệu. Số liệu này phải khớp với số liệu tồn kho của thủ kho trên thẻ kho tương ứng. Mọi sai sót phải được kiểm tra, phát hiện và điều chỉnh kịp thời theo thực tế.

**Ví dụ 1:** Ngày 10 tháng 06 năm 2011 Công ty mua mực in của công ty Cổ phần Hoàng Gia(CT164). Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 029985 (Biểu 2.1) và số lượng thực tế kế toán viết phiếu nhập số 12/06 (Biểu 2.2). Từ các chứng từ gốc kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152-mực in (biểu 2.9).

**Ví dụ 2:** Ngày 11 tháng 06 năm 2011 Công ty mua hạt nhựa tạo sợi PP của công ty Cổ phần XNK Thành Nam (CT159). Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 073952(biểu 2.3) và số lượng thực tế kế toán viết phiếu nhập số 17/06(biểu 2.4). Từ các chứng từ gốc kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152-hạt nhựa tạo sợi PP (biểu 2.10).

Cuối kỳ, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn.

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập ( Biểu 2.2, biểu 2.4) vào thẻ kho ( Biểu 2.11, biểu 2.12)

- Ngày 15/06, tại phòng kế toán, theo yêu cầu về xuất 350kg mực in và ngày 16/06 yêu cầu xuất 3.500kg hạt nhựa tạo sợi PP H030SG từ phân xưởng chuyên lên đã được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất mực in và hạt nhựa. Kế toán tính giá mực in và hạt nhựa xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và viết phiếu xuất kho ( Biểu 2.6 và biểu 2.8). Sau đó các số liệu được ghi vào sổ chi tiết TK152 ( Biểu 2.9 và biểu 2.10). Cuối kỳ, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn. ( Biểu 2.13 )

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho ( Biểu 2.6 và biểu 2.8 ) vào thẻ kho ( Biểu 2.11, biểu 2.12).



*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì  
Hải Phòng*

**\*Biểu số 2.9. Sổ chi tiết TK 15219-mực in**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

## SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

*Tháng 06 năm 2011*

TK 1521-Nguyên vật liệu chính

Chi tiết : 15219-mực in

Đơn vị tính:Kg

**Số lượng tồn đầu kỳ : 2.130**

**Tiền tồn đầu kỳ : 106.770.510**

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	Thành tiền nhập	SL xuất	ĐG xuất	Giá vốn xuất	SL tồn	Thành tiền tồn
04/06	PX20/06	Xuất kho mực in			800	50.127	40.101.600	1.330	66.668.910
05/06	PX27/06	Xuất kho mực in			500	50.127	25.063.500	830	41.605.410
<b>10/06</b>	<b>PN12/06</b>	<b>Nhập kho mực in</b>	<b>1000</b>	<b>45.900.000</b>				<b>1.830</b>	<b>87.505.410</b>
12/06	PN15/06	Nhập kho mực in	500	22.950.000				2.330	110.455.410
<b>15/06</b>	<b>PX45/06</b>	<b>Xuất kho mực in</b>			<b>350</b>	<b>47.406</b>	<b>16.592.100</b>	<b>1.980</b>	<b>93.863.310</b>
		.....							.....
20/06	PN39/06	Nhập kho mực in	1000	49.760.000				2.980	158.234.700
		.....							.....
		<b>Tổng số phát sinh</b>	<b>4.500</b>	<b>220.302.000</b>	<b>3.170</b>		<b>170.479.510</b>		
		<b>Tồn cuối kỳ</b>						<b>3.460</b>	<b>169.733.760</b>

**\*Biểu số 2.10. Sổ chi tiết TK 152117-hạt nhựa tạo sợi PP H030SG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

## SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 06 năm 2011

TK 1521-Nguyên vật liệu chính

Chi tiết : 152117 - hạt nhựa tạo sợi PP H030SG

Đơn vị tính:Kg

Số lượng tồn đầu kỳ : 3.000 Tiền tồn đầu kỳ :107.949.000

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	Thành tiền nhập	SL xuất	ĐG xuất	Giá vốn xuất	SL tồn	Thành tiền tồn
05/06	PX22/06	Xuất kho hạt nhựa PP			2.500	35.983	89.957.500	500	17.991.500
<b>11/06</b>	<b>PN17/06</b>	<b>Nhập kho hạt nhựa PP</b>	<b>2.500</b>	<b>81.800.000</b>				<b>3.000</b>	<b>99.791.500</b>
14/06	PN33/06	Nhập kho hạt nhựa PP	12.000	392.724.000				15.000	492.515.500
<b>16/06</b>	<b>PX46/06</b>	<b>Xuất kho hạt nhựa PP</b>			<b>3.500</b>	<b>32.834</b>	<b>114.919.000</b>	<b>11.500</b>	<b>377.596.500</b>
		.....		.....			.....		.....
22/06	PN56/06	Nhập kho hạt nhựa PP	5.000	156.150.000				8.950	278.956.840
		.....							
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>25.000</b>	<b>957.813.700</b>	<b>19.870</b>		<b>811.862.800</b>		
		<b>Tồn cuối kỳ</b>						<b>8.130</b>	<b>253.899.900</b>

**\*Biểu số 2.11: Thẻ kho**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số: S12-DN (ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006

của bộ trưởng BTC)

## THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/06/2011

Tờ số: 01

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Mực in
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số : M9

NT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
			<b>Tồn đầu tháng</b>			<b>2.130</b>	
04/06		PX20/06	Xuất kho mực in	04/06		800 1.330	
05/06		PX27/06	Xuất kho mực in	05/06		500 830	
<b>10/06</b>	<b>PN 12/06</b>		<b>Nhập kho mực in</b>	<b>10/06</b>	<b>1.000</b>	<b>1.830</b>	
12/06	PN15/06		Nhập kho mực in	12/06	500	2.330	
<b>15/06</b>		<b>PX45/06</b>	<b>Xuất kho mực in</b>	<b>15/06</b>		<b>350</b> <b>1.980</b>	
			.....				
20/06	PN39/06		Nhập kho mực in	20/06	1.000	2.980	
			.....				
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.500</b>	<b>3.170</b>	
			<b>Tồn cuối tháng</b>			<b>3.460</b>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**\*Biểu số 2.12: Thẻ kho**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**  
Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số: S12-DN (ban hành theo  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006  
của bộ trưởng BTC)

## THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/06/2011

Tờ số : 17

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Hạt nhựa tạo sợi PP H030SG
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số : H17

NT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
			<b>Tồn đầu tháng</b>			<b>3.000</b>	
05/06		PX22/06	Xuất kho hạt nhựa PP	05/06		500	
<b>11/06</b>	<b>PN 17/06</b>		<b>Nhập kho hạt nhựa PP</b>	<b>11/06</b>	<b>2.500</b>	<b>3.000</b>	
14/06	PN33/06		Nhập kho hạt nhựa PP	14/06	12.000	15.000	
<b>16/06</b>		<b>PX46/06</b>	<b>Xuất kho hạt nhựa PP</b>	<b>16/06</b>		<b>3.500</b>	
			.....				
22/06	PN56/06		Nhập kho hạt nhựa PP	22/06	5.000	8.950	
			.....				
			<b>Cộng phát sinh tháng 6</b>		<b>25.000</b>	<b>19.870</b>	
			<b>Tồn cuối tháng</b>			<b>8.130</b>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vicem Bao Bì  
Hải Phòng

**\*Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho vật tư**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG  
Số 3 đường Hà Nội-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số: B07-H (ban hành theo QĐ số 15/2006/  
QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

## BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO VẬT TƯ HÀNG HOÁ

Tháng 06 năm 2011

Tài khoản : **152** – Nguyên liệu vật liệu

STT	Tên vật tư	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
I	Nhóm vật liệu chính									
1	Giấy kiện HVT F10 khổ 550	Kg	2.536	198.467.290	20.802	1.235.475.830	13.068	624.068.710	10.270	809.874.410
	.....									
<b>9</b>	<b>Mực in</b>	<b>Kg</b>	<b>2.130</b>	<b>106.770.510</b>	<b>4.500</b>	<b>220.302.000</b>	<b>3.170</b>	<b>170.479.510</b>	<b>3.460</b>	<b>169.733.760</b>
10	Chỉ khâu PE 20/9	Kg	11.339,6	1.079.223.750,8	4.725,3	443.574.626,8	4.647,6	439.927.873,2	11.417,3	1.082870.504,4
	.....									
<b>17</b>	<b>Hạt nhựa tạo sợi PP H030SG</b>	<b>Kg</b>	<b>3.000</b>	<b>107.949.000</b>	<b>25.000</b>	<b>957.813.700</b>	<b>19.870</b>	<b>811.862.800</b>	<b>8.130</b>	<b>253.899.900</b>
	.....									
II	Nhóm vật liệu phụ									
1	Phụ gia Vietcanl	Kg	75	2.809.500	0	0	0	0	75	2.809.500
	.....									
III	Nhóm phụ tùng									
1	Dao lam Croma	Cái	310	620.000	250	515.600	150	286.780	410	848.820
2	Cút nhựa	Cái	4	120.000	22	672.320	21	658.479	5	133.841
	.....									
	<b>Cộng</b>			<b>16.590.207.178</b>		<b>22.298.137.290</b>		<b>14.859.254.463</b>		<b>24.029.090.005</b>

### **2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, hiện nay Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi chép các nghiệp vụ nhập xuất tồn trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

#### **2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ do Bộ tài chính ban hành sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu bao gồm các loại: Hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, và các chứng từ khác có liên quan.

#### **2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng sử dụng tài khoản 152- “Nguyên liệu, vật liệu”.

Và các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331, TK 621, TK 627, TK 632, TK 641, ...

*Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu nhập- xuất- tồn.

#### Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152:

##### *Bên Nợ:*

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

##### *Bên Có:*

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

*Số dư bên Nợ:* Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu trong kho cuối kỳ.

**2.2.3.3. Quy trình hạch toán:**

Công ty đang sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào các bảng, biểu.

Từ các hoá đơn, chứng từ kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung và các sổ cái có liên quan. Từ nhật ký chung vào sổ cái TK152 và các sổ cái tài khoản có liên quan.

**Ví Du 1:** Ngày 10 tháng 06 năm 2011 Công ty mua mực in của công ty Cổ phần Hoàng Gia(CT164). Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 029985 (Biểu 2.1) và số lượng thực tế kế toán viết phiếu nhập (Biểu 2.2). Từ các chứng từ gốc kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.14). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (biểu 2.15), và sổ cái các tài khoản khác liên quan. Đồng thời kế toán khai báo số liệu vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu như đã trình bày ở trên.

**Ví dụ 2:** Ngày 11 tháng 06 năm 2011 Công ty mua hạt nhựa tạo sợi PP của công ty Cổ phần XNK Thành Nam (CT159). Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 073952 (biểu 2.3) và số lượng thực tế kế toán viết phiếu nhập (biểu 2.4). Từ các chứng từ gốc kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.14). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (biểu 2.15), và sổ cái các tài khoản khác liên quan. Đồng thời kế toán khai báo số liệu vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu như đã trình bày ở trên.

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập ( Biểu 2.2) vào thẻ kho ( Biểu 2.11, biểu 2.12)

- Ngày 15/06, tại phòng kế toán, theo yêu cầu xuất 350kg mực in và ngày 16/06 yêu cầu xuất 3.500kg hạt nhựa tạo sợi PP H030SG từ phân xưởng chuyển lên đã được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất mực in và hạt nhựa. Kế toán tính giá mực in và hạt nhựa xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và viết phiếu xuất kho ( Biểu 2.6 và biểu 2.8). Từ đó kế toán ghi vào sổ chi tiết TK152 ( Biểu 2.9 và biểu 2.10). vào sổ Nhật ký chung. Sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (biểu 2.15). Cuối kỳ, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn. ( Biểu 2.13)



**\*Biểu số 2.14. Sổ Nhật ký chung**

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/06/2011 đến ngày 30/06/2011

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		.....			
03/06	PC03/06	Tạm ứng cho nhân viên đi công tác	141 111	10.000.000	10.000.000
03/06	PX04/06	Xuất NVL chính cho sản xuất	621 152	3.454.500	3.454.500
03/06	PC04/06	Trả người bán vật tư bằng tiền mặt	331 111	1.619.640	1.619.640
04/06	GBC01	Vay ngắn hạn nhập vào tiền gửi ngân hàng	112 311	1.000.000.000	1.000.000.000
		.....			
<b>10/06</b>	<b>HD029985</b>	<b>Mua mực in của công ty CP Hoàng Gia chưa thanh toán</b>	<b>152 133 331</b>	<b>45.900.000 4.590.000</b>	<b>50.490.000</b>
		.....			
<b>11/06</b>	<b>HD073952</b>	<b>Mua hạt nhựa tạo sợi của công ty XNK Thành Nam chưa thanh toán</b>	<b>152 133 331</b>	<b>81.800.000 8.180.000</b>	<b>89.980.000</b>
		.....			
<b>15/06</b>	<b>PX45/06</b>	<b>Xuất mực in phục vụ sản xuất</b>	<b>627 152</b>	<b>16.592.100</b>	<b>16.592.100</b>
		.....			
<b>16/06</b>	<b>PX46/06</b>	<b>Xuất hạt nhựa tạo sợi phục vụ sản xuất</b>	<b>627 152</b>	<b>114.919.000</b>	<b>114.919.000</b>
		.....			
<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>51.275.698.252</b>	<b>51.275.698.252</b>

**\*Biểu số 2.15. Sổ cái tài khoản 152**

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

## SỔ CÁI

**TK 152-nguyên liệu, vật liệu**  
Từ ngày 01/06/2011 đến ngày 30/06/2011

Chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
				Nợ	Có
		<b>SDDK</b>		<b>16.590.207.178</b>	
		.....			
03/06/2011	PX 9/06	Xuất NL, vật tư cho SX-tổ tráng màng	627		274.800.000
03/06/2011	PX 9/06	Xuất NL, vật tư cho SX-tổ tráng màng	627		35.368.000
03/06/2011	PX 9/06	Xuất NL, vật tư cho SX-tổ may bao	627		87.000.000
		.....			
07/06/2011	PX 72/06	Tổ in cắt lồng ống-PX001 Xuất vật tư cho SX	627		82.500.000
07/06/2011	PX 72/06	Tổ in cắt lồng ống-PX001 Xuất vật tư cho SX	627		58.000.000
07/06/2011	PX 73/06	Tổ may bao-Xuất NL vật tư cho SX	627		210.640.000
07/06/2011	PX 73/06	Tổ may bao-Xuất NL vật tư cho SX	627		23.712.080
		.....			
<b>10/06/2011</b>	<b>PN12/06</b>	<b>Nhập mực in chưa thanh toán</b>	<b>331</b>	<b>45.900.000</b>	
		.....			
<b>11/06/2011</b>	<b>PN17/06</b>	<b>Nhập hạt nhựa tạo sợi chưa thanh toán</b>	<b>331</b>	<b>81.800.000</b>	
		.....			
<b>15/06/2011</b>	<b>PX 45/06</b>	<b>Tổ in cắt lồng ống -Xuất mực in cho PXSX</b>	<b>627</b>		<b>16.592.100</b>
		.....			
<b>16/06/2011</b>	<b>PX 46/06</b>	<b>Tổ tạo sợi-Xuất hạt nhựa cho PXSX</b>	<b>627</b>		<b>114.919.000</b>
		.....			
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>22.298.137.290</b>	<b>14.859.254.463</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>24.029.090.005</b>	

### **2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.**

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty. Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê toàn bộ nguyên vật liệu 06 tháng một lần tại các kho trong doanh nghiệp. Số liệu kiểm kê trên sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê. Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

Trước mỗi lần kiểm kê khi vật tư được sự thông báo của hội đồng kiểm kê công ty, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm.....Hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như : thanh lí, nhượng bán quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc gây hỏng.....Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát chỉ có vài trường hợp thiếu. bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan như nguyên vật liệu, công cụ bị oxy hóa, gãy hỏng... trong quá trình bảo quản nhưng số lượng không đáng kể.

- Nếu vật liệu do thiếu hụt tự nhiên được quyết định xử lý cho phép tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 642: Giá trị vật liệu bị thiếu

Có TK 152

- Trường hợp phát hiện thừa nguyên vật liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Giá trị vật liệu thừa

Có TK 711



## CHƯƠNG III

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG.

### 3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Và ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường sản xuất bao bì bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình. Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài chính đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng có những ưu điểm và những hạn chế sau:

#### 3.1.1. Ưu điểm.

Cùng với sự phát triển của Công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

#### *\*Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các

nhân viên kế toán có trình độ, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

***\*Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu:***

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, bởi nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, đến sự tồn tại của Công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các tổ sản xuất. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng.

***\*Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.***

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của Công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của Doanh nghiệp, đồng thời trong điều kiện Công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của Công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

***\*Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:***

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Phương pháp này đã giúp Công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời; là một lựa chọn đúng đắn của Công ty.

Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của Công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của Công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

**3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của Công ty, còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

***\*Về hệ thống kho bãi.***

Do Công ty chỉ có hai kho để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu với số nguyên vật liệu rất lớn. Có những thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì hai kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó thì nguyên vật liệu phải để tạm ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết như mưa gió mà không được che đậy cẩn thận sẽ rất dễ dẫn đến



tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị, giảm chất lượng. Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho cũng chưa thật hợp lý bởi chưa có hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp riêng biệt các loại nguyên vật liệu.

***\*Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.***

Hiện tại Công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh nhu cầu. Vì vậy dễ dẫn đến tình trạng là khi dự trữ quá nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay gây nên tình trạng ứ đọng vốn, chất lượng của nguyên vật liệu bị giảm sút. Nếu dự trữ thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất.

***\*Về việc sử dụng nguyên vật liệu.***

Trong công tác quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu là một trong những biện pháp cần thiết. Tuy nhiên, tại Công ty công tác này hiện chưa được quan tâm và thực hiện.

***\*Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.***

Hiện nay Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi đó giá cả nguyên vật liệu thay đổi liên tục. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

***\*Về việc luân chuyển chứng từ.***

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

***\*Chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư.***

Do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính
- Nguyên vật liệu phụ
- Phụ tùng thay thế

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

***\*Về việc lập bảng phân bổ vật liệu.***

Việc lập bảng phân bổ vật liệu của đơn vị không phản ánh từng loại vật liệu mà phản ánh tổng cộng cho tài khoản 152, cách làm trên gây khó khăn trong việc quản lý vật liệu của doanh nghiệp.

**3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng.**

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa Công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi các nhà quản lý phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Hạch toán kế toán là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho Nhà nước trong quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh.

Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

### **3.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán và phần mềm kế toán**

#### **3.2.1.1. Bộ máy kế toán**

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban. Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hoá công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh

### **3.2.1.2. Phần mềm kế toán**

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để công việc kế toán được gọn nhẹ và có hiệu quả hơn ví dụ như phần mềm Cyber Soft, Esoft, Misa.... Để sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán, trước hết doanh nghiệp phải mở các lớp hướng dẫn sử dụng phần mềm, hướng dẫn thêm các nghiệp vụ trước khi sử dụng phần mềm kế toán.
- Mời kỹ thuật viên về phần mềm kế toán cập nhật các chế độ kế toán mới đồng thời hướng dẫn kỹ năng sử dụng phần mềm cho nhân viên kế toán.
- Cập nhật các phiên bản phần mềm mới tránh lỗi thời.

### **3.2.2. Hoàn thiện lập bảng phân bổ vật liệu:**

Mẫu bảng phân bổ vật liệu:

## **BẢNG PHÂN BỔ VẬT LIỆU**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Stt	TK ghi có	Tài khoản 152			Cộng có TK 152
	Đối tượng	1521	1522	1524	
	TK 621-CPNVL trực tiếp				
	-TK 6211				
	-TK 6212				
	TK 627-CP sản xuất chung				
	TK 642-CP quản lý doanh nghiệp				
	.....				

Các cột dọc phản ánh các loại vật liệu dùng trong tháng tính theo giá thực tế. Hàng ngang phản ánh đối tượng sử dụng các loại vật tư theo từng khoản mục chi phí. Điều này tạo điều kiện cho các đơn vị theo dõi chặt chẽ cả về số lượng và giá trị vật liệu xuất dùng trong tháng của từng loại, từng nhóm, từng thứ vật tư.

### **3.2.3. Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.**

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu Công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất của Công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu Công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu bị thiếu, có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Vì vậy, Công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình, khả năng của Công ty.

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp. Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn đó có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn. Công ty có thể sử dụng Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh như sau:

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

### **BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH**

*Tháng ..... Quý.....Năm....*

Mã số	Tên, quy cách vật tư	Đvt	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kế toán trưởng

PT bộ phận báo cáo

Người lập

### **3.2.4. Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.**

Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì một trong những biện pháp cần thiết đó là công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu. Tuy nhiên, tại Công ty hiện nay, công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu nhìn chung chưa được quan tâm và thực hiện. Vì vậy, Công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu như sau:

- Để đánh giá chung các tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu, ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu.

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

- Phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu: để khai thác tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu theo các yêu cầu sau đây:

+ Thường xuyên kiểm tra nguyên vật liệu tồn kho so với định mức dự trữ để giải quyết tình hình định mức không hợp lý.

+ Căn cứ vào tình hình cung cấp thực tế đối chiếu với các hợp đồng đã ký, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp và tiến độ sản xuất để phát hiện việc mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp, không thể thiếu hụt nguyên vật liệu dẫn đến phải ngừng sản xuất. Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu cần được áp dụng.

- Không ngừng giảm bớt phế liệu, phế phẩm, hạ thấp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Công ty cần cải tiến kỹ thuật, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị. Ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất.

+ Công ty cần đào tạo thường xuyên, đào tạo nâng bậc kỹ thuật để nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân.

+ Xây dựng hệ thống định mức tiên tiến và hiện thực, đồng thời thực hiện tốt hệ thống định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sử dụng, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

+ Coi trọng việc hạch toán nguyên vật liệu, phế phẩm.

- Triệt để thu hồi và tận dụng phế liệu, phế phẩm: là một nội dung quan trọng thể hiện sự quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong quản lý kinh tế. Vì nó mang lại hiệu quả cao hơn so với việc sử dụng nguyên vật liệu tự khai thác chế biến.

- Xoá bỏ mọi hao hụt, mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu do nguyên nhân chủ quan gây ra.

+ Để thực hiện tốt phương hướng này cần nâng cao trách nhiệm trong công tác thu mua, vận chuyển, bao gói, bốc dỡ, kiểm nghiệm, bảo quản nguyên vật liệu trong kho và cấp phát nguyên vật liệu cho sản xuất.

+ Kiên quyết áp dụng chế độ trách nhiệm và xử phạt nghiêm bằng biện pháp kinh tế, hành chính đối với những người vô trách nhiệm, những hành động làm mất mát hoặc lãng phí nguyên vật liệu. Thực hiện tốt việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất:

Stt	Tên vật tư	Đvt	Đơn giá	Hạn mức(kế hoạch)			Thực tế (sử dụng)			So sánh	
				Số lượng	Số tiền	Tỷ trọng(%)	Số lượng	Số tiền	Tỷ trọng(%)	Số lượng	Tỷ trọng(%)
	<b>Cộng</b>										



Qua bảng ta thấy được nguyên vật liệu nào dùng vượt tiêu chuẩn, nguyên vật liệu nào sử dụng ít hơn so với kế hoạch và nguyên vật liệu nào sử dụng vừa đủ. Từ đó tìm ra nguyên nhân những nhược điểm, phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm và phục vụ đắc lực cho lãnh đạo khi đưa ra quyết định giúp cho việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu được tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm.

### **3.2.5. Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

-Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

-Phương pháp lập dự phòng:

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để

hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập. Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

-Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho). Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường. Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau.

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

### **BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

*Năm....*

Stt	Tên vật tư	Số lượng	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	$3 = 1 \times 2$	4	$5 = 1 \times 3$	$6 = 5 - 3$
	<b>Cộng</b>						

#### **3.2.6. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:**

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu, được theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất. Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp, thuận

tiện, hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mật mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

-Dựa vào các loại nguyên vật liệu.

-Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại.

-Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

Sổ danh điểm vật liệu được mở theo tên gọi, quy cách nguyên vật liệu bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính và giá hạch toán muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định số danh điểm vật liệu thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán. Sổ danh điểm vật tư còn cung cấp thông tin về giá trị vật liệu xuất, tồn kho bất cứ khi nào theo giá hạch toán. Bởi vì như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết vật liệu ở công ty áp dụng phương pháp thẻ song song và việc tính giá xuất vật liệu theo phương pháp bình quân liên hoàn, như vậy việc mở sổ danh điểm vật tư sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, điều chỉnh sản xuất kinh doanh.

***Ví dụ:***

-Nguyên vật liệu chính: 1521

    Giấy kiện: 1521 - GK

        Giấy kiện nội: 1521 – GK1

        Giấy kiện ngoại: 1521 – GK2

-Nguyên vật liệu phụ: 1522

    Phụ gia Vietcal: 1522 - PV

-Phụ tùng thay thế: 1524

    Cút nhựa: 1524 - Cn

    Dao lam Croma: 1524-Dc

## SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật tư	Đvt	Ghi chú
Loại	Nhóm				
<b>1521</b>			<b>Nguyên vật liệu chính</b>		
	1521-GK	1521-GK1	Giấy kiện nội	Kg	
		1521-GK2	Giấy kiện ngoại	Kg	
		.....	.....		
<b>1522</b>			<b>Nguyên vật liệu phụ</b>		
	...	1522-PV		Kg	
		.....	.....		
<b>1524</b>			<b>Phụ tùng</b>		
	...	1524-Cn	Cút nhựa	Cái	
	...	1524-Dc	Dao lam Croma	Cái	
		.....	.....		

Mở sổ danh điểm vật liệu phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, phòng kế toán cung ứng sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra vật tư được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất tránh được những tổn thất ngoài ý muốn.

### 3.2.7. Hệ thống kho bãi

Hiện tại hệ thống kho bãi để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu của Công ty còn thiếu, đôi khi còn phải để tạm ngoài trời, mưa nắng sẽ làm giảm phẩm chất của nguyên vật liệu. Do vậy, Công ty cần xây dựng thêm kho hoặc thuê thêm kho để dự trữ nguyên vật liệu, vừa đảm bảo quản lý tốt hơn về số lượng và chất lượng vật tư, nâng cao giá trị của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra, Công ty cần tính toán đầu tư xây dựng một hệ thống kho theo đúng quy chuẩn yêu cầu bảo đảm nghiêm ngặt các điều kiện về giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ, ... thuận tiện cho việc tiếp nhận, vận chuyển, bốc dỡ, xếp hàng, bảo quản, phân loại, đóng gói, kiểm nghiệm, giao hàng. Đối với các nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà

sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu. Cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn, điều kiện để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng loại nguyên vật liệu. Công ty có thể khai thác vốn đầu tư từ nhiều nguồn: nguồn tích lũy nội bộ, nguồn vốn vay ngân hàng,... Đây là một vấn đề mà công ty cần nhanh chóng lên kế hoạch chi tiết và đầu tư để đảm bảo cho việc quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, dễ dàng cho khâu kiểm soát và kiểm kê nguyên vật liệu.

### **3.2.8. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

## **PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày ..... đến ngày .....

<b>Nhóm vật liệu(dụng cụ,sp,hàng hóa)</b>	<b>Số lượng chứng từ</b>	<b>Số hiệu chứng từ</b>	<b>Số tiền</b>
1	2	3	4

Ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

## **KẾT LUẬN**

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Công việc này không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán phân xưởng và các kho ... Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Việc hoàn thiện công tác kế toán là cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nó sẽ tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đồng thời giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

Trong thời gian thực tập ở công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của việc hạch toán kế toán từ các cô bác, anh chị, từ những thế hệ đi trước em thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cần thiết cho công việc sau này của mình. Em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại đây về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế nói chung và hạch toán kế toán nói riêng. Qua nghiên cứu, em nhận thấy có một số vấn đề cần bổ sung thêm. Với nhận thức chủ quan của mình, em xin mạnh dạn tham gia một vài ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo và sự quan tâm giúp đỡ của cô bác anh chị kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành báo cáo này. Em rất mong các thầy cô đóng góp ý kiến để báo cáo của em được hoàn chỉnh hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2012*

Sinh viên:

Phạm Ngọc Bích

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế toán tài chính (áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam) – Nhà xuất bản Thống Kê 2001
2. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính: TS. Nguyễn Văn Công - NXB tài chính – 2004
3. Hệ thống kế toán doanh nghiệp - NXB tài chính – 2004
4. Kế toán tài chính- Trường ĐH Tài chính- Kế toán Hà Nội- NXB tài chính 2002.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản tài chính.
6. Số liệu, sổ sách kế toán năm 2011 của công ty cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng
7. Các tài liệu tham khảo khác.